



Đhôn vinh cùng đất nước

**Báo cáo
thường niên**

2010
ANNUAL REPORT

Mục lục

Thông điệp của Hội đồng quản trị	1
Tổng quan về Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	2
Báo cáo của Hội đồng quản trị	8
Báo cáo của Ban giám đốc	12
Báo cáo Tài chính kiểm toán	24
Thông tin dành cho Cổ đông	51

Thông điệp

Hội đồng quản trị

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty VHG, tôi chân thành cảm ơn sự gắn bó, thông cảm và ủng hộ của các cổ đông, nhà đầu tư thời gian qua.

Năm 2010 là năm thứ hai Công ty đang cố gắng tái cấu trúc để thích ứng với tình hình sụp đổ của ngành cáp đồng viễn thông, ngành nghề chính của Công ty. Chúng ta đang phải giải quyết hậu quả nặng nề đó và hình thành các ngành nghề kinh doanh mới. 2010 cũng là năm đầu chúng ta theo chiến lược mới để dịch chuyển Công ty từ thuần sản xuất cáp đồng cho Bưu điện đi dần vào kinh doanh bất động sản, trồng cây cao su và khoáng sản trong khi vẫn duy trì sản xuất hiện tại.

Trong nhiều khó khăn của suy thoái kinh tế, cạnh tranh, lạm phát, toàn bộ nhân viên Công ty đã cố gắng kiên cường vượt khó khăn để đạt kết quả tuy rất khiêm tốn nhưng đáng khích lệ là: doanh thu 302 tỷ; lợi nhuận trước thuế 16,9 tỷ. Năm đầu tiên Công ty thoát khỏi lỗ vốn kể từ khi mất thị trường cáp đồng.

Thưa quý vị, năm 2011 đã qua được 1 quý, nhiều khó khăn vẫn còn đó hoặc trầm trọng thêm như: tăng chi phí sản xuất, lạm phát cao, tỷ giá ngoại tệ, thiếu điện, khách hàng giảm mua sắm, nhà nước giảm đầu tư công.... chúng ta phải tính đến các yếu tố này và tiếp tục định hướng đã đề ra:

- Giảm chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận dự tính của khối sản xuất. Sử dụng vốn vay ngắn hạn để quay vòng vốn sản xuất. Giữ vững và mở rộng thị trường đã chiếm được, đảm bảo lợi nhuận để chi phí cho các dự án tiềm năng nhưng dài hạn của Công ty như bất động sản, cây cao su.
- Khởi động hai dự án bất động sản D'evelyn tower và D'evelyn beach. Trồng mới 1000 ha cây cao su. Có lợi nhuận từ kinh doanh khoáng sản.
- Đặc biệt chú trọng và nhân sự, thương hiệu và hiệu năng quản lý Công ty.

Với những trải nghiệm trong khó khăn thời gian qua, chúng tôi tin tưởng Công ty đang đi đúng hướng. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tâm huyết, sáng tạo và say mê đưa Công ty ngày càng phát triển, làm ra nhiều lợi nhuận để xứng đáng với sự tin cậy của Quý Cổ đông. Chúng tôi xin lỗi về kết quả kinh doanh khiêm tốn của năm qua và mong được sự thông cảm và ủng hộ của Quý vị cổ đông, đó chính là động lực to lớn giúp chúng tôi thêm sức mạnh. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết luôn sẵn sàng và trung thành vì sự ổn định, phát triển của công ty, vì lợi ích cao nhất của Quý vị cổ đông.

Thay mặt Hội đồng Quản trị kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, may mắn và thành công.

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2011

TM.Hội đồng quản trị



Đình Công Trạng/Chủ tịch

Tổng quan
**CÔNG TY ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT
VIỆT HÀN - VHG**



TỔNG QUAN VỀ VHG

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT VIỆT-HÀN
Tên tiếng Anh	: VIET-HAN CORPORATION
Địa chỉ	: Lô 04, 05 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại	: 84-510-3946345 Fax: 84-510-3946333
Email	: trade@vhg.com.vn
Website	: www.vhg.com.vn
Văn phòng Đà Nẵng	: 01 Lê Duẩn, Tp.Đà Nẵng
Điện thoại	: 84-511-3647666 Fax: 84-511-3647333
Vốn điều lệ	: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	
Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán	: VHG
Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu cổ phiếu)	
Trong năm 2009, VHG đã đăng ký sửa đổi bổ sung Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 8 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 11/05/2009	

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất cáp viễn thông: sợi đồng, sợi quang học, truyền dữ liệu...
- Sản xuất dây và cáp điện
- Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất các sản phẩm từ sợi thủy tinh
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Khai thác, chế biến quặng đồng, các khoáng sản
- Đầu tư hạ tầng giao thông, phát điện, khu công nghiệp, bất động sản
- Trồng cây công nghiệp

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập

Ngày 28/01/2008 Cổ phiếu VHG thực giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- **Năm 2004:** Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE được OEM từ Hàn quốc có mặt tại thị trường VN.
- **Năm 2005:** Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- **Năm 2006:** Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2007:**

Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm
Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)
Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)
Mua lại Công ty cổ phần nhựa Việt-Hàn, đầu tư NM sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF)
Indochina Capital trở thành nhà đầu tiên chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2008**

Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP
Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)
Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF
Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam
Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng
VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2009**

Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) có công suất 80 triệu sản phẩm/năm
Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'EVELYN Đà Nẵng
Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³

- **Năm 2010**

Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..

Tháng 06/2010: Nghiên cứu mở rộng thêm 9.000ha trồng cây cao su tại tỉnh Quảng Nam

Tháng 09/2010: Triển khai các hạng mục thí nghiệm để hoàn chỉnh TKKTTC và chuẩn bị cho việc khởi công cao ốc D'everlyn tại 09 Lê Duẩn Tp Đà Nẵng

Tháng 11/2010: chia tách nhà máy nhựa và sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF) thành hai nhà máy (1) Nhà máy vật liệu Composit VCC (2) Nhà máy ống nhựa VPP; nhằm tập trung cho sự phát triển chiều sâu của 2 dòng sản phẩm này.

Tháng 12/2010: Đầu tư vào dự án bất động sản nghỉ dưỡng khu vực biển Non nước (Đà Nẵng – Quảng Nam) với quy mô 5,2 ha

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty hoạt động đầu tư và sản xuất đa ngành hàng đầu tại khu vực miền Trung Việt Nam, với chiến lược phát triển tập trung vào các lĩnh vực theo thứ tự “bất động sản-hạ tầng, trồng cây cao su, sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản, khai thác và chế biến khoáng sản”

SỨ MỆNH

Khởi tạo với đam mê, đối diện trực tiếp với thử thách, hòa quyện nguồn nhân lực, công nghệ, tiềm năng để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo mang lại giá trị đích thực, “phồn vinh cùng đất nước”

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Lấy khách hàng làm trung tâm cho sự đổi mới và sáng tạo
- Lấy xã hội làm nền tảng cho sự phát triển.
- Lấy nhân viên là trụ cột cho đại gia đình VHG.

NGUYÊN TẮC KINH DOANH

- Tuân thủ luật pháp và các chuẩn mực về đạo đức
- Tôn trọng khách hàng, các cổ đông và nhân viên của mình
- Duy trì bản sắc văn hóa tổ chức trong sạch
- Quan tâm đến môi trường, sức khỏe và an toàn
- Là một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội

TRIẾT LÝ THƯƠNG HIỆU

”Phồn vinh cùng đất nước”

- Luôn đột phá, đi đầu, tiên phong.
- Liên tục cải tiến.
- Quan tâm đến khách hàng như những cá thể riêng biệt.
- Làm việc và tư duy có tình cảm, hoạt động có trách nhiệm xã hội.
- Trung thực với khách hàng, chân thành với đồng nghiệp.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Lấy con người làm yếu tố cốt lõi
- Đầu tư vào các dự án bất động sản- hạ tầng, trồng cây cao su, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng
- Nhạy bén và linh hoạt trong quản trị chiến lược để thích ứng với môi trường kinh doanh nhằm duy trì sự phát triển tăng trưởng nhanh, liên tục và ổn định
- Kinh doanh định hướng khách hàng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị cốt lõi của VHG là các giá trị bền vững làm nên thành công và quy định tính chất nổi trội của thương hiệu VHG, được hình thành qua những ngày tháng gian khổ đầu tiên của công ty, được xây dựng từ những kinh nghiệm và học hỏi, tôi luyện qua những thử thách trong suốt quá trình phát triển.

VHG cho rằng sống bằng các giá trị vững chắc chính là chìa khóa kinh doanh thành công. Tại VHG, một quy tắc ứng xử nghiêm chỉnh và những giá trị cốt lõi này là trọng tâm cho mọi quyết định của chúng tôi:

Đoàn kết

Tất cả mọi người đều quan trọng. Sức mạnh của VHG được tạo ra từ sự kết hợp, bổ sung giữa các cá nhân với năng lực và cá tính riêng biệt, giữa các đơn vị thành viên với các chiến lược phát triển và ưu thế khác nhau.

Sáng tạo

Mọi thứ chúng tôi làm tại VHG được chi phối bởi một niềm say mê xây dựng thành công vượt trội - và sự cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ.

Trung thực

Giá trị nền tảng quan trọng đối với mỗi nhân viên và lãnh đạo của VHG là sự trung thực và minh bạch:

- Rõ ràng minh bạch, tính đúng đắn trong quản lý kinh doanh, truyền thông, nhân viên, nhà nước...
- Liêm chính trong quan hệ nội bộ và quan hệ với bên ngoài

Cùng thịnh vượng

Mọi người cùng làm việc sẽ đạt được thành quả cao hơn. VHG chỉ có thể được gọi là thành công khi có thể mang lại sự thịnh vượng và cơ hội cho người khác. VHG luôn phấn đấu là một công ty có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường

GIẢI PHÁP HÀNH ĐỘNG

Tổ chức công ty mềm dẻo, linh hoạt như của một công ty nhỏ, có sức mạnh của một công ty lớn khi cần thiết

Thiết lập liên minh chiến lược trên cơ sở Win-Win

Tập trung và phải trở thành một công ty tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh đã lựa chọn

VHG nhất định phải được xây dựng và phát triển trên 3 trụ cột: Nhân sự - Công nghệ - Tài chính

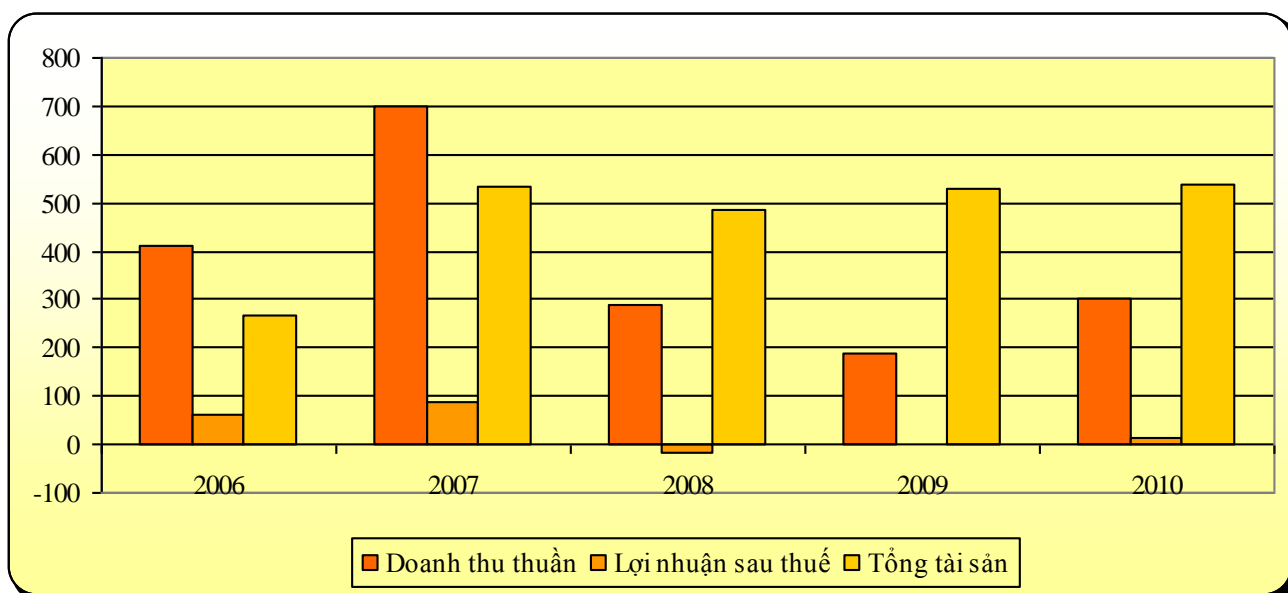
MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG

- Tăng trưởng dựa trên quy mô và nền tảng vững chắc
- Không ngừng nâng cao hình ảnh thương hiệu
- Xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp
- Mở rộng mạng lưới phân phối sâu rộng

SỐ LIỆU THỐNG KÊ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Doanh thu thuần	410.22	700.48	287.377	189.038	301.551
Lợi nhuận sau thuế	63.437	86.303	(17.418)	1.984	14.797
Tổng tài sản	267.95	531.99	486.971	527.591	539.869
Vốn điều lệ	40.000	250.000	250.000	250.000	250.000
Vốn chủ sở hữu	84.086	514.12	439.297	438.164	453.384
Lãi cơ bản/cổ phiếu (đồng)	45.158	4.441	(697)	80	592



10 SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA VHG NĂM 2010

- Tháng 02/2010: Định hướng chiến lược phát triển của VHG trong giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến 2020 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu. Xác lập kế hoạch doanh thu đạt mức 700 tỷ đồng vào năm 2012 và mức tăng trưởng bình quân trên 25% mỗi năm.
- Tháng 04/2010: VHG chính thức ban hành bộ nhận diện thương hiệu hoàn chỉnh, với những thiết kế được chuẩn hóa và đang tiếp tục hoàn thiện.
- Tháng 06/2010: Khởi động nghiên cứu và triển khai các bước kỹ thuật công nghệ cho dự án tái chế màng nhựa tại Hoa Kỳ để quyết định đầu tư vào thời điểm thích hợp.
- Tháng 07/2010: Sự kiện sinh hoạt lớn với nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao... đã thúc đẩy tinh thần đồng đội, đoàn kết giữa 650 CBNV mừng sinh nhật lần thứ 7 của VHG. Cùng trong thời gian diễn ra sự kiện và suốt trong năm: quỹ vòng tay nhân ái VHG và những hoạt động từ thiện xã hội như: trao quà tình nghĩa, trao học bổng, chung tay vì đồng bào bão lụt... là lời cam kết của VHG “phát triển kinh doanh song hành với hoạt động cộng đồng xã hội”.
- Tháng 08/2010: Dự án khai thác chế biến kim loại màu tại Bolivia đã được khởi động triển khai giai đoạn một. Chuyên gia, nhân sự và một phần thiết bị đã được chuyển sang công trường.
- Tháng 09/2010: Dự án D’evelyn cao ốc 33 tầng tại Đà Nẵng của VHG chính thức được triển khai những hạng mục đầu tiên. Sự kiện này đã thu hút sự chú ý của nhiều phương tiện truyền thông cũng như thị trường.
- Tháng 10/2010: Triển khai nghiên cứu quy hoạch mở rộng diện tích, nâng tổng quy mô trên 9.000ha. Dự kiến kết thúc vụ mùa 2010 tổng diện tích triển khai lũy kế gần 1.000ha
- Tháng 10/2010: VHG vinh dự đón nhận giải thưởng-Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia 2010 và giải thưởng Thương hiệu Xanh năm 2010. Hai giải thưởng với những tiêu chuẩn chấm giải khác nhau nhưng tựu chung lại có thể thấy rằng: Chiến lược phát triển thương hiệu VHG đang đi đúng hướng và có lộ trình. Coi trọng hoạt động thương hiệu, cam kết bảo vệ môi trường, phúc lợi nhân viên và quan tâm đến cộng đồng xã hội.
- Tháng 11/2010: Nhằm tạo thế và lực mới làm đòn bẩy để từng đơn vị chủ động thị trường và xây dựng uy tín thương hiệu, nhà máy nhựa và composite (VPP) được chia tách và thành lập hai đơn vị mới là nhà máy vật liệu composite (VCC) và nhà máy nhựa công nghiệp (VPP). Sự chia tách này gia tăng tổng nhà máy sản xuất trực thuộc VHG lên con số 5.
- Tháng 12/2010: Kết thúc năm kế hoạch VHG đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong năm 2010 với tỷ lệ tăng trưởng trên 60%



Báo cáo của Hội đồng quản trị

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Môi trường kinh doanh

Lạm phát, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh, lãi suất tăng cao là những rủi ro, sức ép lớn mà VHG sẽ phải đối mặt trong năm 2011. Nó sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh do giá thành sản xuất tăng cao, thị trường tiêu thụ sẽ bị thu hẹp. Đồng thời các hoạt động đầu tư cũng như chi phí thực hiện dự án cũng sẽ tăng mạnh mẽ

Chiến lược kinh doanh

Từ bối cảnh chung của nền kinh tế Việt Nam trong hiện tại, dự báo và nhìn nhận đánh giá những cơ hội để VHG phát triển mạnh mẽ và ổn định trong tương lai, phù hợp với định hướng phát triển của các tỉnh duyên hải miền Trung cũng như bắt được nhịp phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong những năm sắp đến. Chiến lược kinh doanh của VHG là *“Tập trung phát triển lĩnh vực bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ, cây công nghiệp; Tiếp tục ổn định và phát triển lĩnh vực sản xuất chuyên ngành vật liệu xây dựng cơ bản; Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư trong lĩnh vực tài chính và khoáng sản”*, VHG kiên định theo đuổi mục tiêu chiến lược này và áp dụng chiến thuật linh hoạt để đạt được hiệu quả tốt nhất.

Những nét chính trong kết quả hoạt động

Các ngành hàng sản xuất của VHG trong năm 2010 đã có sự biến chuyển rất tích cực về thị trường, và chất lượng

- Cấp quang của VHG nằm trong top 5 các nhà sản xuất tốt nhất của Việt Nam.
- Cấp điện đã giữ vững được sự tăng trưởng tốt về doanh số và thị trường tiêu thụ
- Sản phẩm ống nhựa uPVC khẳng định được uy tín và chất lượng tại thị trường miền trung và tây nguyên
- Ống nhựa luôn cấp viễn thông tăng trưởng rất tốt trong năm vừa qua. VHG cũng là nhà cung ứng sản phẩm này với số lượng lớn cho Tập đoàn Viettel
- Sản phẩm sản xuất từ cốt sợi thủy tinh đã có sự tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước về sản lượng, doanh số, thị trường, cũng như chủng loại sản phẩm
- Nhà máy vật liệu xây dựng của VHG thành công trong việc nghiên cứu và sản xuất ngói lợp. Sản phẩm này được kỳ vọng sẽ gia tăng hiệu quả cao cho nhà máy

Tổng kết năm 2010, VHG đạt được 301,5 tỷ doanh thu; 16,9 tỷ lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 2010 là 81 tỷ doanh thu và 1,9 tỷ lợi nhuận. Kết quả này mặc dù chưa thật sự thuyết phục so với nguồn lực của VHG, nhưng xứng đáng được ghi nhận trong bối cảnh VHG phải chống chọi với những khó khăn, rủi ro từ môi trường kinh doanh và bước đầu của quá trình thực hiện tái cấu trúc toàn diện đưa công ty phát triển theo định hướng mới giai đoạn 2010-2015

Những thay đổi chủ yếu và các sự kiện tiêu biểu

Năm 2010, VHG đã dồn sức cho mục tiêu tái cấu trúc toàn diện với chiến lược phát triển công ty theo định hướng trong giai đoạn 2010-2015.

Các nhà máy được tập trung phát triển chiều sâu trên cơ sở loại bỏ các sản phẩm không lợi thế, tập trung đầu tư phát triển thị trường trọng tâm, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu các sản phẩm của VHG.

Quản trị nội bộ của các nhà máy, đơn vị chức năng thuộc VHG tiếp tục thực hiện theo định hướng độc lập tự chủ trong sản xuất của các khối sản xuất, đầu tư và khối chức năng, hình thành khối sản xuất kinh doanh theo các nhà máy theo mô hình tổ chức quản lý tinh gọn và linh hoạt. Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động của từng nhà máy để có biện pháp hoạt động hiệu quả hơn. Gia tăng các biện pháp kiểm soát, quản trị chi phí, tiết kiệm chi tiêu nhằm giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và khủng hoảng. Rà soát đánh giá từng nhóm sản phẩm để có định hướng đầu tư phát triển phù hợp.

VHG đã hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn ISO 9001: 2008 cho các nhà máy, dự án mới và tiếp tục xây dựng văn hóa VHG

Kế hoạch trung hạn cho giai đoạn 2010-2015

Khó khăn và bất ổn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu và thay đổi trong môi trường vĩ mô sẽ tiếp tục tác động trong thời gian dài sắp đến. VHG xây dựng định hướng và mục tiêu kinh doanh trong giai đoạn đến xoay quanh trục ngành nghề theo thứ tự ưu tiên phát triển: *bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - cây công nghiệp - sản xuất chuyên ngành vật liệu xây dựng cơ bản - đầu tư khai thác chế biến kim loại màu*, trong đó:

- Về lĩnh vực bất động sản, đầu tư hạ tầng: xác lập vùng dự án và phát triển thị trường tập trung vào các tỉnh duyên hải miền Trung với loại hình căn hộ, bất động sản nghỉ dưỡng, khu đô thị dân cư và công nghiệp dịch vụ. Tiếp tục triển khai các dự án hợp tác liên kết với các đối tác tại khu vực Hà Nội.
- Về lĩnh vực trồng cây công nghiệp: hoàn chỉnh dự án trồng cao su có quy mô trên 4.000 ha trong giai đoạn 1 và tiếp tục mở rộng vùng dự án thêm 9.000 ha, đảm bảo xây dựng nhà máy chế biến có quy mô tương đối. Nghiên cứu và phát triển các dự án trồng rừng và phát triển hạ tầng trên vùng dự án trồng cao su.
- Về lĩnh vực khoáng sản: triển khai từng bước có quy mô phù hợp cho dự án khai thác và chế biến kim loại màu tại Bolivia, cần trọng để đạt hiệu quả bền vững trong tương lai.
- Về lĩnh vực sản xuất: duy trì ổn định phát triển sản xuất kinh doanh bốn nhóm ngành hiện tại: cáp quang; dây và cáp điện; nhựa; các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh và vật liệu xây dựng. Các nhóm ngành sản xuất bước đầu đã ổn định, VHG sẽ tiếp tục gia tăng hiệu quả các ngành sản xuất này để đảm bảo sự ổn định và phát triển của công ty trong ngắn hạn, và một phần tài trợ cho các dự án trung và dài hạn của công ty.

Các chỉ tiêu chính cho giai đoạn

Chỉ tiêu (triệu đồng)	2010		2011	2012
	Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu	220.000	301.000	350.000	700.000
Lợi nhuận trước thuế	15.000	16.900	25.000	80.000

Những mục tiêu chính cho năm kế hoạch 2011

- Về bất động sản và đầu tư hạ tầng: hoàn tất các bước chuẩn bị cuối cùng, khởi công dự án cao ốc D'EVELYN tại Tp Đà Nẵng trong năm 2011; đẩy nhanh hoàn tất thủ tục đầu tư và thiết kế quy hoạch dự án D'EVELYN BEACH; xúc tiến kinh doanh giai đoạn 1 của cụm công nghiệp - dịch vụ AN LƯU.
- Về trồng cây cao su: triển khai đền bù 1.000 - 1.500ha đất và trồng mới 700 - 1.000 ha, quy hoạch và xác lập hoàn thiện các thủ tục theo quy trình cho vùng dự án mở rộng thêm 9.000 ha.

- Về lĩnh vực sản xuất: duy trì ổn định và gia tăng tối đa hiệu quả năng lực sản xuất của các nhà máy hiện có. Đầu tư mạnh cho thực thi chiến lược nâng cao hình ảnh thương hiệu VHG, song song với việc đầu tư phát triển hệ thống phân phối sâu rộng cho các nhóm sản phẩm; tăng cường sự liên kết hỗ trợ tận dụng các kênh phân phối của các nhóm sản phẩm để gia tăng doanh số và phát triển thương hiệu.
- Về lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản: tiếp tục nghiên cứu triển khai thận trọng từng bước dự án đầu tư tại Bolivia
- Năm 2011 tiếp tục tập trung thực hiện xây dựng hình ảnh VHG, nâng cao hiệu quả năng lực quản trị điều hành, quản trị sản xuất, ổn định và phát triển mạnh cho các nhà máy sản xuất hiện tại

Với sự quyết tâm cao độ của Hội Đồng Quản Trị sát cánh cùng với Ban Giám đốc điều hành công ty cam kết hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Tạo được nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững ổn định của VHG, bảo toàn lợi ích cho các cổ đông.

Các căn cứ để đảm bảo thực hiện mục tiêu 2011

VHG tiếp tục theo đuổi mục tiêu tái cấu trúc lại công ty, các lĩnh vực sản xuất đầu tư ngày càng được củng cố và hoàn thiện, đảm bảo có đủ nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đề ra, trong đó:

- Ngắn hạn: nâng cao hơn nữa hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm từ các nhà máy cấp quang, nhà máy dây và cáp điện, nhà máy công nghệ vật liệu, nhà máy nhựa và FRP, các hoạt động đầu tư tài chính, thương mại.
- Trung hạn: nguồn thu từ các dự án về bất động sản, dự án khoáng sản, vật liệu xây dựng, các dự án đầu tư góp vốn liên doanh liên kết vào các công ty thành viên...
- Dài hạn: nguồn thu từ các dự án hạ tầng khu công nghiệp, dự án trồng và chế biến mù cao su ...

Năm 2011, bên cạnh việc gia tăng các biện pháp để kiểm soát và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, VHG xúc tiến tìm kiếm các nguồn vốn, sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng và quỹ đầu tư để đảm bảo thực hiện các dự án cho mục tiêu 2011 và cho các năm tiếp theo.

Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục hoàn thiện và hợp lý hoá công nghệ, dây chuyền thiết bị trong tổ hợp sản xuất của VHG để đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành, quản trị sản xuất đảm bảo kiểm soát việc thực thi mục tiêu đặt ra, tăng tính cạnh tranh cho từng dòng sản phẩm bằng việc duy trì nhất quán chính sách chất lượng và giá thành hợp lý
- Tập trung triển khai thực hiện nhanh chóng các dự án bất động sản, tận dụng tối đa những thuận lợi của thị trường.
- Phát triển toàn diện VHG trong sự liên kết và hợp tác chặt chẽ với các đối tác có chọn lọc, phát huy thế mạnh của các công ty góp vốn, các công ty là đối tác chiến lược...
- Tiếp tục kiện toàn xây dựng cơ cấu tổ chức, hoàn thiện không ngừng quy trình quản lý chất lượng. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm đến. Liên tục củng cố, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp theo giá trị cốt lõi: đoàn kết - sáng tạo - trung thực - cùng thịnh vượng là chuẩn mực ứng xử thống nhất trong toàn VHG, tạo môi trường thân thiện hợp tác để thực sự phát huy năng lực cống hiến của từng cá nhân, đơn vị thành viên trong đại gia đình VHG.

Kết luận

VHG kiên định và kiên trì thực hiện chiến lược phát triển bền vững với mục tiêu cao nhất đó là: tạo ra giá trị mới cho xã hội, bảo toàn và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và cán bộ nhân viên VHG. Mục tiêu này, Hội đồng quản trị sẽ sát cánh song hành cùng Ban Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, ý chí nỗ lực hết mình của hàng trăm lao động sẽ quyết tâm thực hiện đến cùng. VHG mong muốn nhận được sự đồng lòng ủng hộ và gắn bó lâu dài của các cổ đông cũng như các đối tác.

TM.Hội đồng quản trị

**Đình Công Trạng/Chủ tịch**



Báo cáo của Ban giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Lạm phát, sự bất ổn định của thị trường tài chính, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh là những khó khăn lớn mà VHG cũng như các doanh nghiệp khác đang và sẽ phải đối mặt.

Thay đổi môi trường vĩ mô và các chính sách pháp luật của nhà nước về kinh tế... tác động đến môi trường hoạt động.

Hầu hết các nguyên liệu của khối sản xuất hiện tại của VHG đều phải nhập khẩu, chịu sự biến động trực tiếp của các nguồn cung cấp.

Các biến động mạnh về tỷ giá, tăng lãi suất tiền vay, giá đầu vào của các yếu tố sản xuất: nguyên vật liệu, điện nước, chi phí vận chuyển, đơn giá nhân công... làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ cũng như đối mặt với hàng nhái thương hiệu VHG

Thị trường tiền tệ không ổn định, dịch chuyển nguồn vốn đầu tư, chính sách thắt chặt tiền tệ... ảnh hưởng mạnh đến các dự án trung và dài hạn của VHG.

Những thuận lợi

Khối sản xuất VHG được đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại, kiểm soát chặt chẽ chất lượng và VHG luôn kiên định và nhất quán theo đuổi mục tiêu chất lượng, duy trì và phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ mới hướng đến khách hàng

Các dự án về bất động sản đã có khoảng thời gian chuẩn bị kỹ càng, chờ thời điểm thích hợp để khởi công và chào bán ra thị trường

Nguồn nhân lực trẻ, nhiệt huyết và có tay nghề

HDQT, Ban Tổng giám đốc có quyết tâm cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành

Những khó khăn

Các dự án trung và dài hạn của VHG đang nằm trong giai đoạn mới bắt đầu triển khai, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại, thay đổi chính sách về đất, tài nguyên, đền bù, thắt chặt tiền tệ, lãi suất tín dụng và tâm lý khách hàng... ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, đặc biệt là bất động sản.

Tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng quyết liệt, đặc biệt về giá, mẫu mã và chất lượng, đòi hỏi phải thay đổi về công nghệ, hạ giá thành sản xuất

Năng lực hạ tầng khu công nghiệp đặt các nhà máy sản xuất còn hạn chế: điện, giao thông... dẫn đến rủi ro và gia tăng chi phí.

Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề.

Tỷ giá diễn biến bất lợi và biến động lớn về giá các loại vật tư, nguyên liệu, giá vận chuyển

Tỷ suất lợi nhuận giảm dần do giá bán không tăng nhiều trong khi giá thành và chi phí hoạt động tăng nhanh.

Thị trường chứng khoán không ổn định và suy thoái sau khi VHG niêm yết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	Tỷ lệ %
Tài sản dài hạn	274.124.130.642	270.721.210.483	101,25
- Nguyên giá TSCĐ	295.701.718.873	293.124.228.322	100,90
- Giá trị hao mòn	86.166.530.085	67.110.487.114	128,39
- Giá trị còn lại	209.535.188.788	226.013.741.208	92,70
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	58.157.363.368	39.114.433.128	148,68
Tài sản ngắn hạn	265.745.291.379	257.384.704.424	103,24
Tổng tài sản	539.869.422.021	528.105.914.907	102,22
Nợ ngắn hạn	86.448.557.004	89.942.117.419	96,11
Nguồn vốn chủ sở hữu	453.384.501.372	438.163.797.488	103,47
Tổng nguồn vốn	539.869.422.021	528.105.914.907	102,22

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2009	%
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,33	1,74	18,97
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	3,07	2,85	107,72
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	49,22	77,48	63,53
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	51,78	22,52	229,93
Nợ /Tổng nguồn vốn (%)	16,02	3,36	476,79
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	83,98	96,64	86,90

Các số liệu tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC- thành viên quốc tế của Polaris International (có báo cáo kiểm toán đính kèm)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Danh mục	Vốn đầu tur của CSH (tr.đồng)	Thặng dư vốn CP (tr.đồng)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (đồng)	Quỹ ĐTP (đồng)	Quỹ DPTC (đồng)	LNST chưa phân phối (đồng)
Số dư tại 31/12/2009	250.000	175.000	814.163.869	200.881.676	7.622.619.380	3.191.959.523
Số dư tại 01/01/2010	250.000	175.000	814.163.869	200.881.676	7.622.619.380	3.191.959.523
Tăng trong kỳ			5.206.185.083			22.621.429.528
Giảm trong kỳ			3.449.236.631	200.881.676	7.622.619.380	
Số dư tại 31/12/2010	250.000	175.000	2.571.112.321			25.813.389.051

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VNĐ		

Biến động giá cổ phiếu trong năm

Khối lượng giao dịch cao nhất : 3.021.690 cổ phiếu
 Khối lượng giao dịch thấp nhất : 13.960 cổ phiếu
 Khối lượng giao dịch bình quân : 608.610 cổ phiếu
 Giá cổ phiếu cao nhất : 37.200 đồng
 Giá cổ phiếu thấp nhất : 11.600 đồng
 Giá giao dịch bình quân : 18.400 đồng
 Khối lượng giao dịch cổ phiếu VHG theo biểu đồ dưới đây:



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Chỉ tiêu	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.191.959.523	1.208.149.414
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận năm trước		-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.797.928.472	1.983.810.109
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm nay	7.823.501.056	-
<i>Quỹ phát triển sản xuất</i>	<i>200.881.676</i>	-
<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>7.622.619.380</i>	-
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.813.389.051	3.191.959.523

Chi trả cổ tức trong năm 2010

Dự kiến trình đại hội cổ đông chi trả cổ tức 8% cho năm tài chính 2010

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2010**Một số chỉ tiêu cơ bản đạt được**

Chỉ tiêu	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	301.551.538.257	189.038.779.227	159,52
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.521.686.469	24.196.983.108	237,72
Doanh thu hoạt động tài chính	5.514.220.235	5.208.019.515	105,88
Chi phí tài chính	12.897.279.205	3.870.586.391	333,21
- Chi phí lãi vay	4.088.359.563	1.041.096.008	392,70
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.959.926.400	(1.612.570.300)	- 245,57
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.593.843.121	2.907.642.352	157,99
- Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	190.184.000	1.476.359.360	12,88
- Chi phí tài chính khác	64.966.121	58.058.971	111,90
Chi phí bán hàng	19.113.267.801	11.145.334.693	171,49
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.138.190.890	13.112.497.856	107,82
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.887.168.808	1.276.583.683	1.322,84
Lợi nhuận khác	20.112.800	707.226.426	2,84
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.907.281.608	1.983.810.109	852,26
Lợi nhuận sau thuế	14.797.928.472	1.983.810.109	745,93
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	19,08%	12,80%	149,06
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu	4,91%	1,05%	467,62
ROA	2,74%	0,38%	721,05
ROE	5,92%	0,79%	749,37
EPS	592	79	749,37

Sự bất ổn của chính sách vĩ mô và môi trường kinh doanh trong nước do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu thật sự là khó khăn quá lớn đối với VHG trong năm 2010. Kết quả đạt được tuy chưa thật sự tương xứng với nguồn lực của VHG, nhưng cũng đã phản ánh ghi nhận sự quyết tâm thành công bước đầu trong quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất và định vị các sản phẩm mới trên thị trường.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2010 của VHG là tập trung xác lập thị trường, xây dựng thương hiệu, bảo toàn vốn.

Các dự án bất động sản, trồng cây cao su đang trong giai đoạn đầu tư chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận

Giá nguyên vật liệu biến động thất thường trong khi công tác quản trị vật tư không lường hết các yếu tố rủi ro

Biến động tỷ giá và khan hiếm ngoại tệ đã ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả chung của các ngành hàng VHG đầu tư vì hầu hết nguyên vật liệu đều nhập khẩu.

Hoàn thiện bộ máy quản trị, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng

Năm 2010, VHG đã liên tục đánh giá lại nguồn nhân lực, sắp xếp và cải tổ lại toàn bộ hệ thống. Hoàn thiện mô hình phân định khối sản xuất – đầu tư và khối chức năng theo hướng tinh gọn và linh hoạt. Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động của từng nhà máy để có biện pháp hoạt động hiệu quả hơn. VHG đã phát triển toàn diện hệ thống ISO 9001:2008 trong tất cả các tổ chức nội bộ, áp dụng quản trị theo công nghệ thông tin hiện đại.

Nguồn nhân lực đã thay đổi mạnh trong năm, đến cuối 2010 VHG có hơn 640 lao động do triển khai các dự án mới và đưa nhà máy sản xuất vật liệu vào hoạt động. Trước những khó khăn chung, người lao động trong Công ty đã chia sẻ và cùng đồng hành, thu nhập thực chất của người lao động đã giảm sút so với lạm phát.

Thực hiện và nâng cao tính minh bạch trong mọi hoạt động

Xác định giá trị cốt lõi của VHG, trong năm đã xây dựng và triển khai hệ thống quản trị hiện đại và linh hoạt, lấy giá trị “trung thực” làm trung tâm trong chuỗi giá trị: đoàn kết – sáng tạo – trung thực – cùng thịnh vượng. VHG đã tổ chức kênh thông tin thông qua website, người đại diện phát ngôn. Toàn bộ mọi hoạt động được phản ánh trung thực, cầu thị

Nghiên cứu và phát triển thành công các sản phẩm dịch vụ mới

Tiếp nhận và bước đầu xây dựng hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su trên nền công nghệ thông tin, cây cao su tăng trưởng tốt trên vùng dự án

Phát triển thành công sản phẩm dây và cáp điện chống cháy có chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế, thay đổi bao bì và hệ thống nhận diện sản phẩm, cáp điện đã sản xuất đến cấp trung thế ngầm và cáp cao thế trần được ngành điện lực đưa lên mạng.

Nghiên cứu và đa dạng hoá các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh, các loại ống cấp thoát nước có đường kính lớn độn cát

Đa dạng hóa sản phẩm vật liệu nung, đã sản xuất thành công ngói lợp đất nung đạt tiêu chuẩn so sánh với các sản phẩm chất lượng cao của các nhà máy cùng ngành.

Tiếp tục xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu và mở rộng hệ thống phân phối

Năm 2010, VHG đã tập trung xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, bước đầu triển khai chiến lược marketing cho giai đoạn 2010-2015. Thương hiệu VIET-HAN TILES đã có độ phủ tương đối, năng lực bán hàng đã tương đương với năng lực sản xuất. Thương hiệu VIET-HAN FRP với các sản phẩm cốt sợi thủy tinh có đường kính lớn, chất lượng cao đã bắt đầu được các nhà cung ứng dịch vụ xử lý môi trường, sản xuất thực phẩm tin dùng và khả năng phát triển về ngành hàng này rất lớn. Thương hiệu VIET-HAN PIPE bước đầu đã có chỗ đứng trên thị trường các tỉnh miền Trung và được người tiêu dùng đánh giá chất lượng tốt mặc dù sản lượng và doanh số ở mức thấp

và khiêm tốn. Thương hiệu LIMAX CABLE đang trong quá trình xây dựng trên nền tảng chuyên đổi thương hiệu VIET-HAN CABLE CCA.

Năm 2010, VHG đã tập trung phát triển hệ thống phân phối, tập trung chủ yếu tại khu vực miền Trung và Tây nguyên, bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan, tạo tiền đề cho năm kế hoạch 2011.

Trong năm tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá thương hiệu, tiếp xúc khách hàng thông qua việc quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tham gia hội chợ triển lãm chuyên ngành, tham gia tài trợ các chương trình thể thao, hội thảo do các đối tác khách hàng tổ chức, các chương trình mang tính chất cộng đồng, các hoạt động từ thiện: trao tặng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ người nghèo, khắc phục lũ lụt thiên tai...

Hầu hết các sản phẩm của VHG đã xây dựng được giá bán hợp lý, giao hàng đúng tiến độ theo hợp đồng. Thực hiện tốt các cam kết bảo hành sản phẩm. Khẳng định hình ảnh và thương hiệu VHG thông qua chính sách chất lượng và cam kết toàn diện vì sự hợp tác bền chặt lợi ích lâu dài đối với khách hàng.

Xúc tiến đầu tư các dự án trung và dài hạn có trọng tâm

Thực hiện thay đổi chiến lược kinh doanh dựa trên nhóm ngành lựa chọn và xác định mục tiêu trọng tâm, VHG đã cân nhắc lựa chọn danh mục đầu tư có định hướng đảm bảo mục tiêu ngắn hạn, trung và dài hạn

- Bất động sản và hạ tầng: dự án D'EVELYN TOWER (Đà Nẵng) đã được cấp phép xây dựng, sẵn sàng khởi công các hạng mục chính. Nghiên cứu và hoàn thiện thủ tục sở hữu dự án D'EVELYN BEACH (Non nước) để cung ứng cho thị trường biệt thự và căn hộ biển. Hoàn tất việc quy hoạch, khởi công các hạng mục cơ bản cho dự án tổ hợp công nghiệp - dịch vụ AN LƯU (Quảng Nam). Tiếp tục hoàn thiện thủ tục cho dự án khu G - Thành Công (Hà Nội). Xúc tiến các nghiên cứu và thủ tục để phát triển các dự án đô thị và dịch vụ tại khu vực Đà Nẵng và các tỉnh duyên hải miền Trung
- Trồng cây cao su: tiến hành quy hoạch mở rộng thêm 9.000 ha. Tổng diện tích đã đền bù đến cuối 2010: trên 1.000 ha, trồng mới gần 800 ha. Theo đánh giá của chuyên gia, cây cao su trồng mới trên vùng dự án tăng trưởng tốt.
- Khai thác và chế biến kim loại màu: xúc tiến khảo sát, nghiên cứu phát triển dự án khai thác đồng tại Bolivia (đang trong giai đoạn đưa thiết bị sang khảo sát, quy hoạch và đánh giá).
- Hoàn thiện đầu tư và bổ sung thiết bị sản xuất các sản phẩm mới cho dây chuyền sản xuất ngói nung, cốt sợi thủy tinh.

Danh mục triển khai đầu tư trong năm 2010

Danh mục	Kế hoạch Triệu VND	Thực hiện Triệu VND	Tỷ lệ %	Nội dung đã thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> • Dự án D'EVELYN TOWER - Đà Nẵng <i>Địa điểm: đất 2 mặt tiền, nằm trên trục chính đường Lê Duẩn, cách cầu Sông Hàn 150m; Quy mô 33 tầng nổi, 2 tầng hầm, diện tích sàn 72.000m²; cung ứng 4 tầng dịch vụ và 365 căn hộ; VHG sở hữu dự án 100%</i> <i>Chi phí kế hoạch: thiết kế, xây lắp phần móng, ngầm</i> 	60.000	4.000	6,67	Chi phí khảo sát địa chất, thí nghiệm cọc khoan nhồi, chi trả tạm ứng chi phí tư vấn TKKTTC và chi phí thẩm định

<ul style="list-style-type: none"> • Dự án tổ hợp công nghiệp và dịch vụ AN LƯU - Quảng Nam <i>Địa điểm: nằm trên trục đường chính nối Hội An - Đà Nẵng, cách Đà Nẵng 17km; Quy mô hiện tại 51ha, đang trình thủ tục mở rộng 250ha với loại hình công nghiệp- dịch vụ và đô thị; VHG sở hữu dự án 90%</i> <i>Chi phí kế hoạch: chi phí quy hoạch, đầu tư san lấp mặt bằng, mở rộng quy mô đến 250ha</i> 	10.000	175	1,75	Hoàn thiện thủ tục quyền sử dụng đất giai đoạn 1 và chi phí đền bù bổ sung
<ul style="list-style-type: none"> • Dự án G, C - Hà Nội <i>Địa điểm: vị trí trung tâm Hà Nội, khu vực hồ Thành Công và Giảng Võ. Quy mô: xây dựng lại các chung cư cũ để đầu tư tái định cư, căn hộ và cao ốc văn phòng với diện tích sàn quy hoạch 70.000m²; VHG sở hữu dự án từ 40-60%</i> <i>Chi phí kế hoạch: chi phí quy hoạch và hoàn thiện thủ tục</i> 	5.000	-	-	Hoàn thiện thủ tục quy hoạch 1/500 đang cùng đơn vị hợp tác kinh doanh trình phê duyệt
<ul style="list-style-type: none"> • Dự án khai thác và chế biến kim loại màu tại BOLIVIA - Nam Mỹ <i>Quy mô: GDP 30.000 tấn/năm; 85% vốn VHG</i> <i>Chi phí kế hoạch: đầu tư thiết bị và xây dựng nhà máy</i> 	20.000	2.200	11,00	Nội dung đã thực hiện: chuyển thiết bị khoan thăm dò, khảo sát trữ lượng và xúc tiến các thủ tục
<ul style="list-style-type: none"> • Dự án trồng cây cao su ĐÔNG GIANG - Quảng Nam <i>Địa điểm: huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Quy mô giai đoạn 1: 4.115 ha. VHG sở hữu dự án 100%</i> <i>Chi phí kế hoạch: đền bù 1.000ha, trồng mới 700ha, chăm sóc vườn cây</i> 	50,000	17.850	35,70	Nội dung đã thực hiện: Đo đạc quy chủ 2.500 ha, khảo sát bổ sung quy mô thêm 9.000ha, đền bù 260ha, trồng mới 130ha, chăm sóc vườn cao su năm 1 và năm 2 (530ha)
<ul style="list-style-type: none"> • Dự án đầu tư khác <i>Dự án D'EVELYN BEACH – Non Nước; Địa điểm: trục đường ven biển Hội An-Đà Nẵng, đối diện sân golf Montgomerie; Quy mô 5,3ha. VHG sở hữu dự án 65%, sẽ điều chỉnh đến 90% trong năm kế hoạch 2011</i> 	20.000	17.000	85,43	Nội dung đã thực hiện: chi phí tạm ứng xác lập thủ tục đầu tư.
<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư bổ sung cho khối sản xuất 	10.000	7.000	70%	Nội dung đã thực hiện: đầu tư thiết bị và mở rộng nhà xưởng cho nhà máy composite, nhà máy vật liệu xây dựng
Tổng cộng	175.000	48.225	27,55	

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng

Với những khó khăn trong năm, tuy nhiên VHG vẫn luôn quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng, đặc biệt là các vùng dự án đang triển khai. Trong đó sử dụng chính cho công tác khuyến học, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và đặc biệt chia sẻ những khó khăn đối với nhân viên của VHG. Nguồn thực hiện từ sự đóng góp của nhân viên và quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước chuyển sang.

MỤC TIÊU TỔNG THỂ NĂM 2011

Nhìn nhận và đánh giá

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2011 của Việt Nam sẽ còn nhiều bất ổn: lạm phát, biến động tỷ giá hối đoái, chính sách tiền tệ thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư của VHG. Chi phí sản xuất sẽ gia tăng đột biến trong khi thị trường tiêu thụ sẽ khó khăn hơn do các biện pháp thắt chặt tiền tệ hạn chế đầu tư của chính phủ. Và do đó, sẽ dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt của các nhà sản xuất.

Định hướng mục tiêu 2011

Với bối cảnh kinh doanh mới và biến động mạnh của kinh tế trong và ngoài nước, việc dự báo sát đúng tình hình và xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động của năm 2011 là rất khó khăn, tuy nhiên với quan điểm cân trọng nhằm duy trì hoạt động có hiệu quả với sự kiểm soát rủi ro cao, từng bước vượt qua khó khăn. VHG định hướng như sau:

- Thực thi một chiến lược sản phẩm phù hợp để tạo thế cạnh tranh, tái cấu trúc và điều chỉnh linh hoạt quy mô hoạt động theo chiến lược kinh doanh và kế hoạch sản xuất.
- Tiếp tục cải tiến cơ chế hoạt động và quản lý theo hướng chuyên nghiệp và gọn nhẹ.
- Tùy theo những diễn biến của thị trường, VHG giám sát đánh giá chặt chẽ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của từng nhà máy, từng dòng sản phẩm linh động điều tiết để ứng phó nhanh với sự thay đổi, đồng thời sẵn sàng các biện pháp kịp thời để thúc đẩy, gia tăng doanh số, hiệu quả của từng dòng sản phẩm. Thực thi kế hoạch đầu tư thận trọng.
- Đặt kế hoạch kinh doanh 2011 với chỉ tiêu **doanh thu: 350 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 25 tỷ đồng**

Lĩnh vực đầu tư bất động sản và hạ tầng

Chuẩn bị các điều kiện để khởi công xây dựng cao ốc D'EVELYN TOWER tại Đà Nẵng trong quý 2 năm 2011. Hoàn thiện thủ tục quy hoạch và định hướng kinh doanh cho dự án tổ hợp công nghiệp dịch vụ AN LƯU (Quảng Nam). Hoàn tất các thủ tục pháp lý và phương án kinh doanh dự án D'EVELYN BEACH (Non nước)

Lĩnh vực trồng cây cao su

Tiếp tục phối hợp tốt với các đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng để tiến hành đo đạc, đền bù tài sản trên đất cho dân, hoàn thành các thủ tục giao đất. Phân đấu trong năm 2011 đền bù để có quỹ đất từ 1.000 - 1.200 ha, trồng mới được 700-1.000 ha trong tổng diện tích giai đoạn một 4.115 ha và hoàn chỉnh bước nghiên cứu, xác lập thủ tục cho việc mở rộng thêm 9.000ha.

Lĩnh vực này sẽ nghiên cứu chiều sâu để tìm kiếm cơ hội trồng thêm loài mới trong thời gian kiến thiết cơ bản và sản xuất công nghiệp, tạo giá trị gia tăng cao và ổn định lâu dài.

Lĩnh vực khai thác và chế biến kim loại màu

Đây là lĩnh vực định hướng lâu dài của VHG. Năm 2011, tập trung nghiên cứu tiền khả thi việc đầu tư dự án khai thác và chế biến kim loại màu tại Bolivia.

Lĩnh vực sản xuất

- **Cáp quang:** tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, thiết kế và đưa ra thị trường các sản phẩm mới có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu truyền dẫn chất lượng cao của mạng viễn thông hiện tại và tương lai. Tìm kiếm cơ hội hợp tác ngoài nước để sản xuất cáp đồng viễn thông hoặc thanh lý, chuyển đổi thiết bị để tăng hiệu quả sử dụng tài sản. Nghiên cứu các hình thức đầu tư BO, BT hệ thống viễn thông để khai thác tối đa năng lực sản xuất các sản phẩm chuyên ngành viễn thông của VHG. Lĩnh vực này chú trọng khai thác tối đa công suất dây chuyền và duy trì ổn định trong khoảng thời gian 2 năm đến trước khi thị trường bão hòa và không đầu tư mở rộng.

- **Nhựa:** đầu tư mở rộng hệ thống phân phối để thúc đẩy doanh số. Gia tăng các biện pháp quản trị sản xuất để kiểm soát định mức, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tập trung khai thác thị trường trọng tâm tại khu vực miền Trung và Tây nguyên để khai thác hết hiệu quả máy móc thiết bị hiện có, không đầu tư nâng năng lực sản xuất trong giai đoạn này cho dây chuyền sản xuất sản phẩm nhựa.

- **FRP:** với các sản phẩm ống và bồn chứa đã được các khách hàng lựa chọn và đánh giá cao, sẽ tiếp xúc tiếp thị quảng bá bằng nhiều hình thức đối với các chủ đầu tư dự án tiềm năng có sử dụng những sản phẩm này, thay thế cho các loại vật liệu truyền thống khác như ống thép, gang... khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất và công nghệ đã được chuyển giao

- **Dây và cáp điện:** Gia tăng doanh số tiêu thụ dòng dây CCA trên hệ thống phân phối đã thiết lập. Mục tiêu 2011 là đẩy mạnh tiêu thụ dòng dây điện đồng chất lượng cao và cao cấp có các tính năng nổi trội như chống cháy... Mục tiêu xây dựng dòng sản phẩm này sẽ là nền tảng chủ đạo cho sự phát triển của nhà máy. Xây dựng chiến lược vật tư phù hợp với tình hình diễn biến của thị trường, đề tạo thế chủ động trong công tác đấu thầu cung cấp cáp điện lực các loại. Định hướng liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài để xuất khẩu.

- **Gạch ngói:** Thay đổi cơ cấu sản phẩm sản xuất theo hướng nâng cao sản lượng sản phẩm mỏng có giá trị cao như: ngói lợp, gạch trang trí... nhằm gia tăng nhanh chóng hiệu quả sản xuất và hiệu quả đầu tư. Tiếp tục đầu tư nhằm gia tăng năng lực sản xuất các sản phẩm mỏng, vì thị trường tiêu thụ các sản phẩm này có tiềm năng rất lớn, và có thể mở rộng vào thị trường Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ. Quy hoạch nguồn nguyên liệu đảm bảo cho hoạt động của nhà máy ổn định trong 20 năm.

Các lĩnh vực đầu tư khác

Tham gia liên kết với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm trong và ngoài nước để phát triển các dự án mang tính hiệu quả ổn định như năng lượng, hạ tầng... Nghiên cứu và đưa ra giải pháp đầu tư, liên doanh liên kết vào các lĩnh vực dài hạn, lợi nhuận ổn định như cây công nghiệp cao su, nguyên liệu giấy... Quan điểm đầu tư thận trọng không dàn trải.

Tiếp tục đầu tư để phát triển bền vững

Để đảm bảo duy trì và tạo đà phát triển VHG trong các năm tiếp theo, trong năm 2011 cần triển khai các danh mục đầu tư sau:

Danh mục	Kinh phí đầu tư Triệu VND	Thời gian hoàn thành
<ul style="list-style-type: none"> Dự án Dự án D'EVELYN TOWER - Đà Nẵng <i>Nội dung thực hiện: tổng giá trị đầu tư dự kiến 850 tỷ đồng; thực hiện kế hoạch xây lắp hoàn thiện phần cọc khoan nhồi, phần ngầm và 1/3 phần thân</i> 	110.000	31/12/2011
<ul style="list-style-type: none"> Dự án công nghiệp và dịch vụ AN LƯU - Quảng Nam <i>Nội dung thực hiện: bổ sung chi phí san lấp mặt bằng và hạ tầng giai đoạn 1 cho diện tích 50 ha</i> 	10.000	31/12/2011
<ul style="list-style-type: none"> Dự án D'EVELYN BEACH - Non Nước <i>Nội dung thực hiện: chi phí quyền sử dụng đất, thiết kế, san lấp mặt bằng</i> 	120.000	31/12/2011
<ul style="list-style-type: none"> Dự án trồng cây cao su ĐÔNG GIANG - Quảng Nam <i>Nội dung thực hiện: đền bù 1.000 -1.500 ha, trồng mới 700-800 ha; chăm sóc vườn cây các năm trước, chi phí quy hoạch một phần của dự án mở rộng thêm 9.000 ha</i> 	30.000	31/12/2011
<ul style="list-style-type: none"> Bổ sung đầu tư cho các nhà máy <i>Nội dung thực hiện: đầu tư bổ sung một số thiết bị máy móc cho sản xuất</i> 	5.000	31/12/2011
Tổng cộng	275.000	

Kế hoạch tài trợ vốn

Danh mục	Kinh phí Triệu VND
Tổng nhu cầu vốn	410.000
<i>Vốn lưu động</i>	<i>135.000</i>
<i>Nhu cầu đầu tư bình quân năm 2011</i>	<i>275.000</i>
Nguồn vốn đầu tư còn lại tại thời điểm 31/12/2010	110.000
Chênh lệch	(300.000)
Các nguồn huy động dự kiến	300.000
<i>Vay vốn lưu động</i>	<i>50.000</i>
<i>Các khoản thanh lý và thu hồi các khoản công nợ dài hạn</i>	<i>35.000</i>
<i>Tiền ứng trước của khách hàng từ dự án bất động sản</i>	<i>80.000</i>
<i>Huy động các nguồn dài hạn</i>	<i>135.000</i>

Huy động nguồn dài hạn: vay tín dụng ngân hàng, hợp tác các dự án bất động sản để chia sẻ nguồn vốn đầu tư hoặc các phương thức khác phù hợp với tình hình hiện tại. Tùy theo diễn biến thị trường sẽ cân nhắc thời điểm triển khai các dự án cho phù hợp đảm bảo cân đối vốn, hiệu quả trong đầu tư.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 2011

Để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch 2011, VHG tập trung vào các giải pháp cụ thể như sau:

Giải pháp tài chính

Đứng trước tình hình huy động vốn khó khăn, lãi suất vay tăng cao, VHG tập trung xây dựng tốt kế hoạch tài chính, giám sát chặt chẽ công tác thực hiện, quản lý dòng tiền một cách linh hoạt và hiệu quả. Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc và kiểm soát công nợ.

Đẩy mạnh việc quản trị chi phí, tiết kiệm chi tiêu. Trong đó, chú trọng trong công tác tiêu hao nguyên vật liệu, năng suất lao động... là yếu tố then chốt góp phần giảm giá thành sản phẩm.

Đối với công tác đầu tư, cần phải rà soát và quản lý chặt chẽ danh mục đầu tư, chú trọng và ưu tiên tập trung những hạng mục nhanh chóng tạo ra sản phẩm góp phần tăng trưởng doanh thu trong năm.

Đa dạng hoá kênh huy động vốn, tận dụng vốn vay ưu đãi của chính phủ đối với các dự án thuộc đối tượng được vay tín dụng ưu đãi hoặc được hỗ trợ lãi suất. Chia sẻ dự án để quản trị rủi ro các dự án.

Nâng cao năng lực phân tích tài chính, cập nhật và phân tích thông tin kinh tế làm cơ sở cho các quyết định đầu tư ngắn và dài hạn, quyết định đầu tư hiệu quả, nhất là trong xác định giá đầu vào cho sản xuất và các lĩnh vực tài chính, chứng khoán

Liên doanh, liên kết với các tổ chức có năng lực tài chính để thực thi các dự án đạt hiệu quả cao.

Giải pháp về tổ chức, quản lý

Duy trì những điều chỉnh lớn trong năm 2011 về quản trị Công ty và tiếp tục cải cách mạnh mẽ bộ máy quản lý các cấp theo quy chế quản trị mục tiêu của VHG. Theo đó, Công ty giao quyền tự chủ cho các Giám đốc nhà máy, dự án trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát bằng hệ thống các công cụ được thiết lập đồng bộ với quy chế quản trị, kết hợp quản lý mục tiêu với quản lý quá trình.

Thực hiện cơ chế giao nguồn lực cho các nhà máy, bộ phận trong VHG. Xây dựng chương trình, lập dự toán ngân sách tài chính, nguyên vật liệu, lao động tiền lương, kế hoạch triển khai hoạt động và giám sát đánh giá kết quả... của từng bộ phận, từng đơn vị thành viên theo tiến độ từng quý, tháng.

Đẩy mạnh việc xây dựng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường giám sát hoạt động các mặt hoạt động của các nhà máy, bộ phận chức năng, kịp thời điều chỉnh và chấn chỉnh.

Tạo môi trường làm việc thuận lợi, hấp dẫn nhất tại VHG thông qua việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp, bản sắc riêng Công ty, cơ chế đào tạo, thu nhập...

Nâng cấp hệ thống trao đổi và cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của thông tin trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG bằng việc ứng dụng các phần mềm hiện đại, các giải pháp mới ERP...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác R&D, đề ra những chương trình cải tiến thiết thực

Tiếp tục duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản trị chất lượng ISO tại VHG

Giải pháp về nguồn lực

Thu hút thêm nhân sự ở các vị trí quản trị cấp điều hành hiện tại còn yếu thông qua cơ chế đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho các nhân sự ở các vị trí này.

Xây dựng đội ngũ kế cận cho các cấp quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực theo kịp quá trình phát triển của VHG.

Đánh giá năng lực và tuyển dụng mới lao động cho bộ phận kinh doanh ở tất cả các nhà máy và dự án. Xem đây là lực lượng nòng cốt, then chốt trong công tác bán hàng và giải pháp về marketing của Công ty.

Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho toàn thể CBCNV trong tất cả các lĩnh vực

Giải pháp về thị trường

Tập trung đầu tư cho chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu VHG, phát triển hệ thống kênh phân phối sâu rộng cho từng nhóm sản phẩm có sự tương tác hỗ trợ lẫn nhau.

Nâng cao vai trò của marketing, PR trong việc đưa ra định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại VHG. Trong năm triển khai chương trình quảng bá sản phẩm có trọng tâm. Xây dựng và định vị các thương hiệu mới cho các dòng sản phẩm của VHG.

Duy trì thường xuyên chính sách chăm sóc khách hàng truyền thống và không ngừng tìm kiếm phát triển thêm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng...

Đầu tư hơn nữa việc thiết kế nhận dạng thương hiệu, công tác PR, công tác IR. Qua đó thay đổi và tạo dựng hình ảnh VHG với bộ mặt mới ngày càng có sức hút lớn hơn.


Xây dựng nhãn hiệu cho từng dòng sản phẩm, dịch vụ của VHG. Có kế hoạch quảng bá cho từng dự án cụ thể.

TM/Ban Giám đốc điều hành

Tổng giám đốc



Huỳnh Tấn Chung



Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2009 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/QĐ-SGDHCM ngày 09/01/2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VHG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 09/01/2008.

Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0510 3947234
- Fax: (84) 0510 3946333
- Email: vhc@viet-hancorp.com.vn
- Website: <http://www.vhg.com.vn>

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp các loại, cáp sợi quang học;
- Hoạt động viễn thông có dây và không dây;
- Sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện khác, các thiết bị điện thoại;
- Thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Khai thác quặng đồng;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, thiết bị điện lạnh và cơ điện;
- Mua bán chứng khoán;

- Đầu tư kinh doanh đường giao thông, cầu, phà, đường thủy, đường bộ, đường sắt;
- Cho thuê đất, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh, kinh doanh bất động sản;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, khai thác gỗ
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại, khai thác đất đá, cát, sỏi, sạn;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất các sản phẩm chịu lửa, vật liệu XD từ đất sét, sản phẩm gốm sứ, thạch cao, xi măng, bê tông;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa, mua bán giấy các loại;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2010 là 647 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 183 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Đinh Công Trạng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Huỳnh Tấn Chung | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Lê Kông Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Trần Đình Chinh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Phạm Hữu Xuân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Đinh Thị Thúy Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Phạm Ngọc Hiệp | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Doãn Văn Thụy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|--|
| • Ông Huỳnh Tấn Chung | Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2006 |
| • Ông Nguyễn Đông | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2010 |
| • Ông Nguyễn Đông | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/03/2007
Miễn nhiệm ngày 31/01/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/02/2010 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Quảng Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 463/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24/01/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 27. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 20c, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tăng Lợi nhuận sau thuế năm 2010 từ các Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Dự phòng tài chính. Tuy nhiên, quyết định về vấn đề này còn tùy thuộc vào Nghị quyết của Đại hội cổ đông kỳ tới.

Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		265.745.291.379	256.570.540.555
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.610.288.413	38.503.729.349
1. Tiền	111		1.578.109.751	20.953.729.349
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.032.178.662	17.550.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	8.288.001.437	1.811.796.837
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.339.129.837	1.902.998.837
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.051.128.400)	(91.202.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.127.477.887	119.231.860.322
1. Phải thu khách hàng	131		82.114.925.608	88.774.612.633
2. Trả trước cho người bán	132		34.926.497.359	29.945.642.274
3. Các khoản phải thu khác	135	7	18.086.054.920	511.605.415
IV. Hàng tồn kho	140		106.275.698.420	90.424.300.728
1. Hàng tồn kho	141	8	106.275.698.420	90.424.300.728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.443.825.222	6.598.853.319
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		576.809.330	114.583.960
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		498.525.587	439.924.903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	-	301.081.865
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	7.368.490.305	5.743.262.591
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.124.130.642	270.721.210.483
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		176.435.772.872	265.128.174.336
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	118.145.114.367	134.495.021.063
- Nguyên giá	222		203.803.302.590	201.377.141.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.658.188.223)	(66.882.120.484)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	133.295.137	91.518.720.145
- Nguyên giá	228		515.499.099	91.747.086.775
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(382.203.962)	(228.366.630)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	58.157.363.368	39.114.433.128
III. Bất động sản đầu tư	240	14	91.256.779.284	55.457.504
- Nguyên giá	241		91.382.917.184	151.329.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(126.137.900)	(95.872.004)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.055.375.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	-	2.055.375.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.431.578.486	3.482.203.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	6.431.578.486	3.482.203.643
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		539.869.422.021	527.291.751.038

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.484.920.649	90.462.126.590
I. Nợ ngắn hạn	310		86.448.557.004	90.462.126.590
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	48.277.878.899	30.435.337.212
2. Phải trả người bán	312		29.359.811.185	51.454.323.300
3. Người mua trả tiền trước	313		3.447.760.092	4.962.942.454
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	3.360.491.137	689.888.674
5. Phải trả người lao động	315		341.908.593	811.615.362
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.660.707.098	1.588.010.417
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	520.009.171
II. Nợ dài hạn	330		36.363.645	-
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		36.363.645	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		453.384.501.372	436.829.624.448
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	453.384.501.372	436.829.624.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		175.000.000.000	175.000.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.571.112.321	814.163.869
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	200.881.676
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	7.622.619.380
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.813.389.051	3.191.959.523
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		539.869.422.021	527.291.751.038

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Ngoại tệ các loại (USD)	7.757,75	

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Quảng Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	310.535.571.383	266.443.899.510
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(281.828.531.515)	(223.847.389.914)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.881.215.729)	(13.865.734.095)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.088.359.563)	(1.041.096.008)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.606.277.874	20.351.444.530
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50.659.310.894)	(50.316.569.196)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.315.568.444)	(2.275.445.173)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(21.852.689.225)	(39.309.720.685)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	78.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.500.000.000	6.900.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.062.500.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	735.889.775	3.580.296.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.976.299.450)	(29.829.424.045)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	114.247.988.456	48.974.894.467
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(96.087.211.224)	(18.539.557.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	18.160.777.232	30.435.337.212
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(31.131.090.662)	(1.669.532.006)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.503.729.349	40.258.065.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	237.649.726	(84.803.864)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.610.288.413	38.503.729.349

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Quảng Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	302.639.072.555	190.743.881.393
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	1.087.534.298	1.705.102.166
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	21	301.551.538.257	189.038.779.227
4. Giá vốn hàng bán	11	22	244.029.851.788	164.841.796.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		57.521.686.469	24.196.983.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.514.220.235	5.208.019.515
7. Chi phí tài chính	22	24	12.897.279.205	3.870.586.391
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>4.088.359.563</i>	<i>1.041.096.008</i>
8. Chi phí bán hàng	24		19.113.267.801	11.145.334.693
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.138.190.890	13.112.497.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.887.168.808	1.276.583.683
11. Thu nhập khác	31	25	781.823.579	2.032.284.404
12. Chi phí khác	32	26	761.710.779	1.325.057.978
13. Lợi nhuận khác	40		20.112.800	707.226.426
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	16.907.281.608	1.983.810.109
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.109.353.136	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	14.797.928.472	1.983.810.109
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	592	79

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tân Chung

Quảng Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2009 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp các loại, cáp sợi quang học;
- Hoạt động viễn thông có dây và không dây;
- Sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện khác, các thiết bị điện thoại;
- Thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Khai thác quặng đồng;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, thiết bị điện lạnh và cơ điện;
- Mua bán chứng khoán;
- Đầu tư kinh doanh đường giao thông, cầu, phà, đường thủy, đường bộ, đường sắt;
- Cho thuê đất, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh, kinh doanh bất động sản;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, khai thác gỗ
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại, khai thác đất đá, cát, sỏi, sạn;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất các sản phẩm chịu lửa, vật liệu XD từ đất sét, sản phẩm gốm sứ, thạch cao, xi măng, bê tông;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa, mua bán giấy các loại;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức kinh tế này bị lỗ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 - 7

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất)

Nguyên giá là Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

4.8 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.13 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông

4.14 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán cáp quang, cáp điện, ống nhựa, sản phẩm FRP, vật liệu xây dựng. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - ✓ Đối với dự án đầu tư sản xuất thành phẩm cáp: Công ty áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời hạn 08 năm kể từ năm 2007 (năm 2007 đến năm 2014), được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 3 năm kể từ khi có Thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có Thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm 2005, 2006, 2007 và giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2008 đến năm 2014).
 - ✓ Đối với các Dự án đầu tư mở rộng: Được miễn thuế 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành bắt đầu đưa vào sản xuất, kinh doanh.
 - ✓ Đối với hoạt động bán hàng hóa thương mại và cho thuê Bất động sản đầu tư : Công ty áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành
- **Tiền thuê đất:**
 - + Theo Hợp đồng thuê lại đất số 33/HĐTLĐ ngày 28/08/2003 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 20.000 m² đất tại Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam với giá tiền thuê đất là 0,6 USD/m²/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết ngày 31/12/2007, thời gian còn lại 38 năm Công ty trả tiền thuê đất 6 năm một lần vào tháng đầu tiên của mỗi lần.
 - + Hợp đồng thuê đất số 92/HĐTLĐ ngày 01/7/2007 và số 288/HĐTLĐ ngày 30/11/2007 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 43.800m² đất với thời hạn thuê 39 năm, giá thuê 0,6USD/m²/năm. Tiền thuê đất trả 06 năm một lần.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	796.501.756	1.028.242.728
Tiền gửi ngân hàng	781.607.995	19.925.486.621
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 90 ngày	6.032.178.662	17.550.000.000
Cộng	<u><u>7.610.288.413</u></u>	<u><u>38.503.729.349</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư ngắn hạn	12.339.129.837	1.902.998.837
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (*)	11.039.129.837	602.998.837
- Cho vay ngắn hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
+ Công ty Đầu tư Viễn thông tin học Bưu điện	300.000.000	300.000.000
+ Công ty CP XLPTDV Bưu điện Quảng Nam	-	1.000.000.000
+ Đinh Văn Chính	1.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.051.128.400)	(91.202.000)
Cộng	8.288.001.437	1.811.796.837

(*) Là các cổ phiếu đã niêm yết, giá trị sổ sách và việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thể hiện như bảng sau:

Mã cổ phiếu	Số lượng CP	Giá trị sổ sách VND	ĐG sổ sách VND/CP	Thị giá VND/CP	CP dự phòng VND
ACB	255	2.658.837	10.427	25.600	-
DIG	4.000	288.000.000	72.000	41.000	124.000.000
DRC	6.000	384.000.000	64.000	40.000	144.000.000
GMD	1.500	120.750.000	80.500	33.200	70.950.000
ITA	3.680	91.540.000	24.875	16.600	30.452.000
KSS	8.000	385.680.000	48.210	28.000	161.680.000
MPC	2.110	87.776.000	41.600	29.900	24.687.000
MSN	870	45.675.000	52.500	75.000	-
OGC	103.800	4.020.850.000	38.737	24.500	1.477.750.000
PET	68.000	1.769.950.000	26.029	17.200	600.350.000
PGT	21.000	282.000.000	13.429	10.000	72.000.000
PVD	3.000	222.000.000	74.000	53.000	63.000.000
PVX	10.000	310.000.000	31.000	22.100	89.000.000
SSI	10.000	443.000.000	44.300	32.000	123.000.000
VID	3.094	43.940.000	14.202	10.400	11.762.400
VIP	40.000	848.000.000	21.200	10.600	424.000.000
VMG	20.000	350.000.000	17.500	9.100	168.000.000
VNE	79.800	1.312.710.000	16.450	10.800	450.870.000
VPH	690	30.600.000	44.348	21.700	15.627.000
Cộng		11.039.129.837			4.051.128.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***7. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	-	20.644.374
BHXH, BHYT phải thu người lao động	-	34.588.617
Công ty CP Điện tử - Viễn thông - Tin học Bưu điện	385.618.333	360.703.333
Công ty Xây lắp và PTDV bưu điện Quảng Nam	15.777.778	-
Đình Văn Chính	114.500.000	-
Công ty TNHH Quê Việt	17.000.000.000	-
Cổ tức cổ phiếu OGC, DIC	107.800.000	-
Phải thu khác	462.358.809	95.669.091
Cộng	18.086.054.920	511.605.415

8. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	48.747.398.816	46.281.773.403
Công cụ, dụng cụ	681.156.772	269.652.611
Chi phí SX, KD dở dang	17.421.079.774	16.827.908.785
Thành phẩm	33.311.115.684	23.473.234.622
Hàng hóa	2.070.761.607	2.709.724.889
Hàng gửi đi bán	4.044.185.767	862.006.418
Cộng	106.275.698.420	90.424.300.728

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	301.081.865
Cộng	-	301.081.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***10. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	4.253.907.471	3.128.606.394
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.114.582.834	2.614.656.197
Cộng	<u>7.368.490.305</u>	<u>5.743.262.591</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	51.214.092.085	134.142.817.624	6.080.751.554	1.373.902.551	8.565.577.733	201.377.141.547
Mua sắm trong kỳ	-	2.480.661.442	-	106.663.637	12.865.000	2.600.190.079
Đ/tr XDCB h/thành	90.586.364	-	-	-	-	90.586.364
Giảm trong năm	-	264.615.400	-	-	-	264.615.400
Số cuối năm	<u>51.304.678.449</u>	<u>136.358.863.666</u>	<u>6.080.751.554</u>	<u>1.480.566.188</u>	<u>8.578.442.733</u>	<u>203.803.302.590</u>
Khấu hao						
Số đầu năm	12.440.216.991	47.384.567.881	2.452.880.292	978.824.525	3.625.630.795	66.882.120.484
Khấu hao trong kỳ	4.813.508.509	10.942.260.171	1.162.097.794	264.934.426	1.630.834.185	18.813.635.085
Giảm trong năm	-	37.567.346	-	-	-	37.567.346
Số cuối năm	<u>17.253.725.500</u>	<u>58.289.260.706</u>	<u>3.614.978.086</u>	<u>1.243.758.951</u>	<u>5.256.464.980</u>	<u>85.658.188.223</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	38.773.875.094	86.758.249.743	3.627.871.262	395.078.026	4.939.946.938	134.495.021.063
Số cuối kỳ	<u>34.050.952.949</u>	<u>78.069.602.960</u>	<u>2.465.773.468</u>	<u>236.807.237</u>	<u>3.321.977.753</u>	<u>118.145.114.367</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2010: 880.618.941 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	91.231.587.676	515.499.099	91.747.086.775
Tăng khác		-	-
Giảm trong năm	91.231.587.676	-	91.231.587.676
Số cuối năm	-	515.499.099	515.499.099
Khấu hao			
Số đầu năm	-	228.366.630	228.366.630
Khấu hao trong năm	-	153.837.332	153.837.332
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối năm	-	382.203.962	382.203.962
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	91.231.587.676	287.132.469	91.518.720.145
Số cuối năm	-	133.295.137	133.295.137

Tài sản là quyền sử dụng đất tại số 09 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã được UBND Thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận số A0 768418 ngày 07/12/2009, nay thuộc Dự án tòa nhà chung cư cao cấp D'EVELYN nên Công ty chuyển sang theo dõi là Bất động sản đầu tư.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2010: 102.600.000 đồng

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Máy cán băng đồng	-	29.336.549
Máy bện ADSS số 2	-	41.283.000
Phí đền bù, san lấp mặt bằng NM Công nghệ vật liệu	-	3.618.282.705
Máy đùn nhựa	678.993.154	678.993.154
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.754.292.673	8.523.471.935
Thiết bị phong điện	5.751.428.154	5.751.428.154
Dự án trồng cao su	36.663.958.572	18.832.059.892
Dự án cao ốc Lotus Plaza	5.508.448.632	1.629.962.455
Dự án khoáng sản	624.298.252	-
Dự án tái chế nhựa	86.358.000	-
Dự án mở rộng Nhà xưởng FRP giai đoạn 2	88.222.295	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.363.636	9.615.284
Cộng	58.157.363.368	39.114.433.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***14. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà đặt trạm thiết bị BTS VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	151.329.508	151.329.508
Tăng trong năm	91.231.587.676	-	91.231.587.676
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	91.231.587.676	151.329.508	91.382.917.184
Khấu hao			
Số đầu năm	-	95.872.004	95.872.004
Khấu hao trong năm	-	30.265.896	30.265.896
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	126.137.900	126.137.900
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	55.457.504	55.457.504
Số cuối năm	91.231.587.676	25.191.608	91.256.779.284

15. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Handic	-	2.055.375.000
Cộng	-	2.055.375.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***16. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền thuê đất tại KCN trả trước nhiều năm	658.815.120	878.420.160
Chi phí phân bổ dài hạn của NM cấp đồng	-	161.823.776
Chi phí phân bổ dài hạn của VPC	780.785.864	403.259.993
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng FRP	117.523.431	375.533.031
Chi phí phân bổ dài hạn của VMC	4.323.027.079	540.957.875
Nâng cấp thiết bị tạo hình cũ	-	28.118.405
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng nhựa	386.076.948	211.913.094
Chi phí phân bổ dài hạn của cáp quang	-	333.945.170
Chi phí phân bổ dài hạn của VPDN	165.350.044	283.240.550
Dự án khoáng sản	-	86.851.198
Dự án quy hoạch chuỗi Vật liệu xây dựng	-	14.905.738
Dự án KCN An Lưu	-	9.881.444
Dự án phong điện	-	58.507.409
Chi phí đền bù	-	17.320.800
Chi phí phân bổ dài hạn của DA cao su	-	67.801.190
Dự án nước ngầm Nhà máy VMC	-	9.723.810
Cộng	<u>6.431.578.486</u>	<u>3.482.203.643</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 USD	31/12/2010 VND	31/12/2009 USD	31/12/2009 VND
NH ĐT&PT Quảng Nam		48.277.878.899		30.435.337.212
+ VND		18.266.710.630		30.435.337.212
+ USD	1.585.208,55 #	30.011.168.269		-
Cộng		<u>48.277.878.899</u>		<u>30.435.337.212</u>

Vay ngắn hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Nam theo các hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2009/HĐ ngày 30/06/2009, 01/2010/HĐ ngày 30/06/2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.462.393.703	559.162.600
Thuế xuất, nhập khẩu	64.230.767	115.545.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.808.271.271	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.595.396	15.180.420
Cộng	3.360.491.137	689.888.674

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	331.797.094	331.339.944
Bảo hiểm xã hội	2.276.578	-
Bảo hiểm y tế	-	1.144.595
Cty CP PT đô thị và KCN Quảng Nam - Đà Nẵng	1.215.268.802	760.168.802
Phải trả khác	111.364.624	495.357.076
Cộng	1.660.707.098	1.588.010.417

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2009	250.000.000.000	175.000.000.000	-	200.881.676	7.622.619.380	1.208.149.414	434.031.650.470
Tăng trong năm	-	-	814.163.869	-	-	1.983.810.109	2.797.973.978
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	250.000.000.000	175.000.000.000	814.163.869	200.881.676	7.622.619.380	3.191.959.523	436.829.624.448
Số dư tại 01/01/2010	250.000.000.000	175.000.000.000	814.163.869	200.881.676	7.622.619.380	3.191.959.523	436.829.624.448
Tăng trong năm	-	-	5.206.185.083	-	-	22.621.429.528	27.827.614.611
Giảm trong năm	-	-	3.449.236.631	200.881.676	7.622.619.380	-	11.272.737.687
Số dư tại 31/12/2010	250.000.000.000	175.000.000.000	2.571.112.321	-	-	25.813.389.051	453.384.501.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***b. Cổ phiếu**

	31/12/2010	31/12/2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.191.959.523	1.208.149.414
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước		-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.797.928.472	1.983.810.109
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm nay (*)	7.823.501.056	-
- Quỹ đầu tư Phát triển	200.881.676	-
- Quỹ dự phòng tài chính	7.622.619.380	-
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>25.813.389.051</u>	<u>3.191.959.523</u>

(*) Công ty đã chuyển Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính để bổ sung lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 31/12/2010.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.639.072.555	190.743.881.393
+ Doanh thu bán thành phẩm	232.156.125.641	164.047.984.963
+ Doanh thu bán hàng hóa	50.373.856.012	11.662.838.008
+ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	109.090.902	109.090.910
+ Doanh thu kinh doanh bất động sản, quyền đầu tư dự án	20.000.000.000	14.840.000.000
+ Doanh thu khác	-	83.967.512
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.087.534.298	1.705.102.166
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	1.087.534.298	1.705.102.166
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>301.551.538.257</u>	<u>189.038.779.227</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***22. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	196.412.511.687	151.777.390.393
Giá vốn của hàng hóa đã bán	47.560.294.500	13.010.220.927
Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản và khác	57.045.601	54.184.799
Cộng	<u>244.029.851.788</u>	<u>164.841.796.119</u>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	862.603.828	2.506.673.292
Cổ tức, lợi nhuận được chia	115.634.351	1.045.838.833
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.076.864	3.506.147
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	3.422.954.000	1.230.874.000
Chiết khấu thanh toán	225.262.024	421.127.243
Doanh thu hoạt động tài chính khác	822.689.168	-
Cộng	<u>5.514.220.235</u>	<u>5.208.019.515</u>

24. Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	4.088.359.563	1.041.096.008
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	190.184.000	1.476.359.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.593.843.121	2.907.642.352
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.959.926.400	(1.612.570.300)
Chi phí tài chính khác	64.966.121	58.058.971
Cộng	<u>12.897.279.205</u>	<u>3.870.586.391</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***25. Thu nhập khác**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu được bồi thường, vi phạm hợp đồng	206.708.000	166.350.000
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	78.000.000	796.630.473
Thu bán phế phẩm, phế liệu	186.545.455	707.228.413
Thu khác	310.570.124	362.075.518
Cộng	781.823.579	2.032.284.404

26. Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí bồi thường, bị phạt	277.783.322	156.481.302
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	227.048.054	700.929.636
Giá vốn phế liệu thanh lý, chi phí thanh lý phế liệu	-	22.682.789
Chi phí khác	256.879.403	444.964.251
Cộng	761.710.779	1.325.057.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.907.281.608	1.983.810.109
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	(926.963.483)	(14.137.255.951)
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh (thành phẩm)	3.228.094.541	(14.137.255.951)
+ Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản	(4.155.058.024)	
- Hoạt động khác	17.834.245.091	16.121.066.060
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	5.959.341.208	5.543.100.845
- Điều chỉnh tăng	6.074.975.559	6.588.939.678
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	240.701.525	368.150.000
+ CP khấu hao Nhà máy cáp đồng ngừng sản xuất	5.828.614.648	6.185.801.704
+ Chi nộp phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	5.659.386	34.987.974
- Điều chỉnh giảm	115.634.351	1.045.838.833
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	115.634.351	1.045.838.833
Tổng thu nhập chịu thuế (chưa trừ chuyển lỗ)	22.866.622.816	7.526.910.954
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	5.032.377.725	
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh (thành phẩm)	9.187.435.749	(7.548.316.273)
+ Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản	(4.155.058.024)	15.075.227.227
- Hoạt động khác	17.834.245.091	
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(10.906.545.865)	(18.433.456.819)
Tổng thu nhập chịu thuế (sau chuyển lỗ)	11.960.076.951	(10.906.545.865)
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	5.032.377.725	-
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh (thành phẩm)	9.187.435.749	
+ Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản	(4.155.058.024)	
- Hoạt động khác	6.927.699.226	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.109.353.136	-
- Hoạt động được hưởng ưu đãi (TS 15%, giảm 50%)	377.428.329	-
- Hoạt động khác	1.731.924.807	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.797.928.472	1.983.810.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.797.928.472	1.983.810.109
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	14.797.928.472	1.983.810.109
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	592	79

29. Các thông tin khác***a. Chuyển nhượng một phần quyền tham gia đầu tư Dự án “Cụm công nghiệp và dịch vụ An Lưu”***

Đây là dự án Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn thuê đất của UBND Tỉnh Quảng Nam để đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp và dịch vụ An Lưu (giai đoạn 1) với diện tích 350.094 m² tại Xã Điện Nam Đông, Huyện Điện Bàn. Thời hạn thuê đất là 50 năm.

Trong kỳ, Công ty đã ký 2 hợp đồng nhượng quyền số 01/2010/HDNQ ngày 18/04/2010 và hợp đồng nhượng quyền số 02/2010/HDNQ ngày 02/06/2010 với ông Trương Công Hòa về việc nhượng lại 7% quyền tham gia đầu tư dự án Cụm Công nghiệp và dịch vụ An Lưu (giai đoạn 1). Tổng số tiền thu được từ việc chuyển nhượng quyền đầu tư này là 20 tỷ đồng.

b. Hợp tác giữa Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (VHG) và Công ty Dịch vụ và Đầu tư Quê Việt – Canada (là công ty được tổ chức và tồn tại theo pháp luật Canada, sau đây gọi tắt là Quê Việt – Canada)

Công ty đã thành lập Công ty con là Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000790443 ngày 23/12/2010 của do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (trong đó VHG chiếm 65% vốn điều lệ và Quê Việt chiếm 35% vốn điều lệ). Cho đến thời điểm hiện nay, do Công ty này chưa hoạt động nên hai bên chưa thực hiện việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***30. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động	Văn phòng Cty	Nhà máy	Nhà máy	Nhà máy Nhựa	Nhà máy FRP	Nhà máy Gạch	Cộng
		Cáp viễn thông	Cáp điện				
Doanh thu	20.109.090.902	99.842.254.366	94.297.090.446	40.732.204.966	21.083.601.848	26.574.830.027	302.639.072.555
Các khoản giảm trừ DT			944.689.320	142.844.978			1.087.534.298
Giá vốn	26.779.705	86.473.454.070	84.750.057.459	37.495.497.895	16.936.796.442	18.347.266.217	244.029.851.788
Tài sản cố định hữu hình	2.186.114.188	45.717.186.229	15.866.782.215	13.919.199.926	6.242.732.109	34.213.099.700	118.145.114.367
- Nguyên giá	5.135.122.742	102.463.241.250	24.501.421.317	21.474.632.358	7.856.033.747	42.372.851.176	203.803.302.590
- Hao mòn	2.949.008.554	56.746.055.021	8.634.639.102	7.555.432.432	1.613.301.638	8.159.751.476	85.658.188.223
Nợ phải thu	47.000.513.021	29.900.841.756	13.749.759.605	12.479.438.931	8.549.209.128	5.361.660.526	117.041.422.967
Nợ phải trả	12.420.374.645	4.384.414.112	3.149.002.478	7.189.806.388	4.503.719.928	1.160.253.726	32.807.571.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là các số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Quảng Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thảo



Thông tin cổ đông

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

(theo danh sách chốt sổ ngày 25/03/2011)

Cổ đông sáng lập

	Số lượng cổ phiếu	%
Đình Công Trạng	3.473.844	13,89
Huỳnh Tấn Chung	3.069.383	12,27
Lê Thị Kim Ánh	2.688.675	10,76
Trương Thị Thanh Hương	380.697	1,53
Đình Văn Chính	380.697	1,53
Tổng cộng	9.993.296	39,98

Các loại cổ phiếu

	Số lượng	Mệnh giá	Quyền biểu quyết
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	10.000	1:1
Cổ phiếu ưu đãi	-	10.000	1:1
Cổ phiếu quỹ	-	10.000	1:0
Tổng cộng	25.000.000		

Cơ cấu sở hữu

	Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
1 - 999	1.068	40,87%	702.688	2,81%
1.000 - 9.999	1.317	50,40%	3.580.099	14,32%
10.000 - 1000000	225	8,61%	11.485.311	45,94%
> 1.000.000	3	0,11%	9.231.902	36,93%
Tổng cộng	2.613	100%	25.000.000	100%

Cơ cấu cổ đông

	Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
Hội đồng quản trị, Ban TGD, kế toán trưởng, Ban KS, nhân viên VHG	9	0,34%	9.480.020	37,92%
Cá nhân	2.583	98,85%	14.459.158	57,84%
Tổ chức	21	0,88%	1.060.822	4,24%
Tổng cộng	2.613	100%	25.000.000	100%

Sở hữu theo địa lý

	Số cổ đông	Tỷ lệ cổ đông	Tổng số cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phiếu
Việt Nam	2.584	98,89%	24.866.752	99,47%
Cá nhân	2.568	98,28%	23.892.298	95,54%
Tổ chức	16	0,97%	974.354	2,53%
Nước ngoài	29	1,11%	133.248	0,53%
Cá nhân	24	0,92%	46.780	0,19%
Tổ chức	5	0,19%	86.468	0,34%
Tổng cộng	2.613	100%	25.000.000	100%

Cổ đông nắm giữ trên 5% sở hữu

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Đĩnh Công Trạng	C22, BT6, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội	3.473.844	13,89
2 Huỳnh Tấn Chung	158 -Bạch Đằng TP Đà Nẵng	3.069.383	12,27
3 Lê Thị Kim Ánh	34 -Phan Bội Châu TP Đà Nẵng	2.688.675	10,76

Sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1	Đình Công Trạng	C22, BT6, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội	3.473.844	13,89
2	Huỳnh Tấn Chung	158 Bạch Đằng TP Đà Nẵng	3.069.383	12,27
3	Trần Đình Chinh	Đường Phan Bội Châu, Tam kỳ Quảng Nam	51.519	0,21
	Tổng cộng		6.594.746	26,37

Sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát

	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1	Đình Thị Thúy Hạnh	59 Lương Ngọc Quyến Quận Hoàn Kiếm TP Hà Nội	54.587	0,21
2	Doãn Văn Thụy	Khối phố 3 Phường An Phú Tam Kỳ Quảng Nam	2.000	0,008
3	Phan Ngọc Hiệp	K69/16 Bùi Thị Xuân Sơn Trà TP Đà Nẵng	25.000	0,112
	Tổng cộng		81.587	0,33

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Giám đốc

	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1	Huỳnh Tấn Chung	158 -Bạch Đằng, TP Đà Nẵng	3.069.383	12,27
2	Nguyễn Đông	Hoà Phước Hoà Vang, TP Đà Nẵng	72,762	0,29
3	Nguyễn Tiến Trung	50 Nguyễn Du, TP Đà Nẵng	72,762	0,29
4	Quảng Bá Hải	24-26 Paster TP Đà Nẵng	13.000	0,052
	Tổng cộng		3.240.210	12,96

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

HĐQT gồm 05 thành viên (bổ nhiệm ngày 29/03/2008)

HĐQT đã thực hiện quyền và đầy đủ các nghĩa vụ đối với cổ đông, cơ quan nhà nước, các đối tác, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng điều lệ công ty và quy định của pháp luật

Với biến động của thị trường, hoạt động của HĐQT được tăng số lần họp hội bằng các hình thức khác nhau để đưa ra các quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban điều hành. Các quyết định quan trọng nhất nhằm để bảo toàn vốn: điều chỉnh cơ cấu tổ chức; quyết định các quy chế, chính sách lớn trong toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng của Công ty; quyết định các phương án tài trợ vốn đầu tư, chiến thuật bình ổn lợi nhuận trong kinh doanh; quyết định các danh mục đầu tư theo Nghị quyết và theo thẩm quyền được ghi tại điều lệ Công ty; các định hướng về chiến lược phát triển kinh doanh: trồng cây công nghiệp, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, năng lượng sạch... Thay đổi quy chế giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và điều chỉnh một số điểm quan trọng tại quy chế tài chính.

Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT: Trong năm 2010, HĐQT đã nghiên cứu đầu tư vào một số hoạt động nhất định nhằm giúp cải thiện kết quả kinh doanh của Công ty, tuy nhiên do cuộc suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra nhanh chóng, thị trường giảm sút đã ảnh hưởng trầm trọng đến hoạt động của VHG. HĐQT đánh giá đã không hoàn thành nhiệm vụ, nhận thấy có những chỉ đạo còn hạn chế. Tuy nhiên dựa quan điểm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, HĐQT cùng Ban điều hành VHG đã đưa ra các quyết định kịp thời, hợp lý nhằm giảm rủi ro cao nhất cho Công ty, cho các cổ đông.

Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng chuyên nghiệp và có trọng tâm hơn. Trong năm đã tiến hành phân công công việc cho từng thành viên, giám sát và đánh giá các hoạt động chuyên sâu. Ban Kiểm soát đã theo dõi các hoạt động tại từng nhà máy, trao đổi thông tin liên quan đến hoạt động cho HĐQT và các bộ phận trong Công ty. Tuy nhiên, hoạt động của Ban kiểm soát còn hạn chế nhất định, chưa theo kịp tình hình của Công ty và đưa ra những đánh giá kịp thời.

CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC

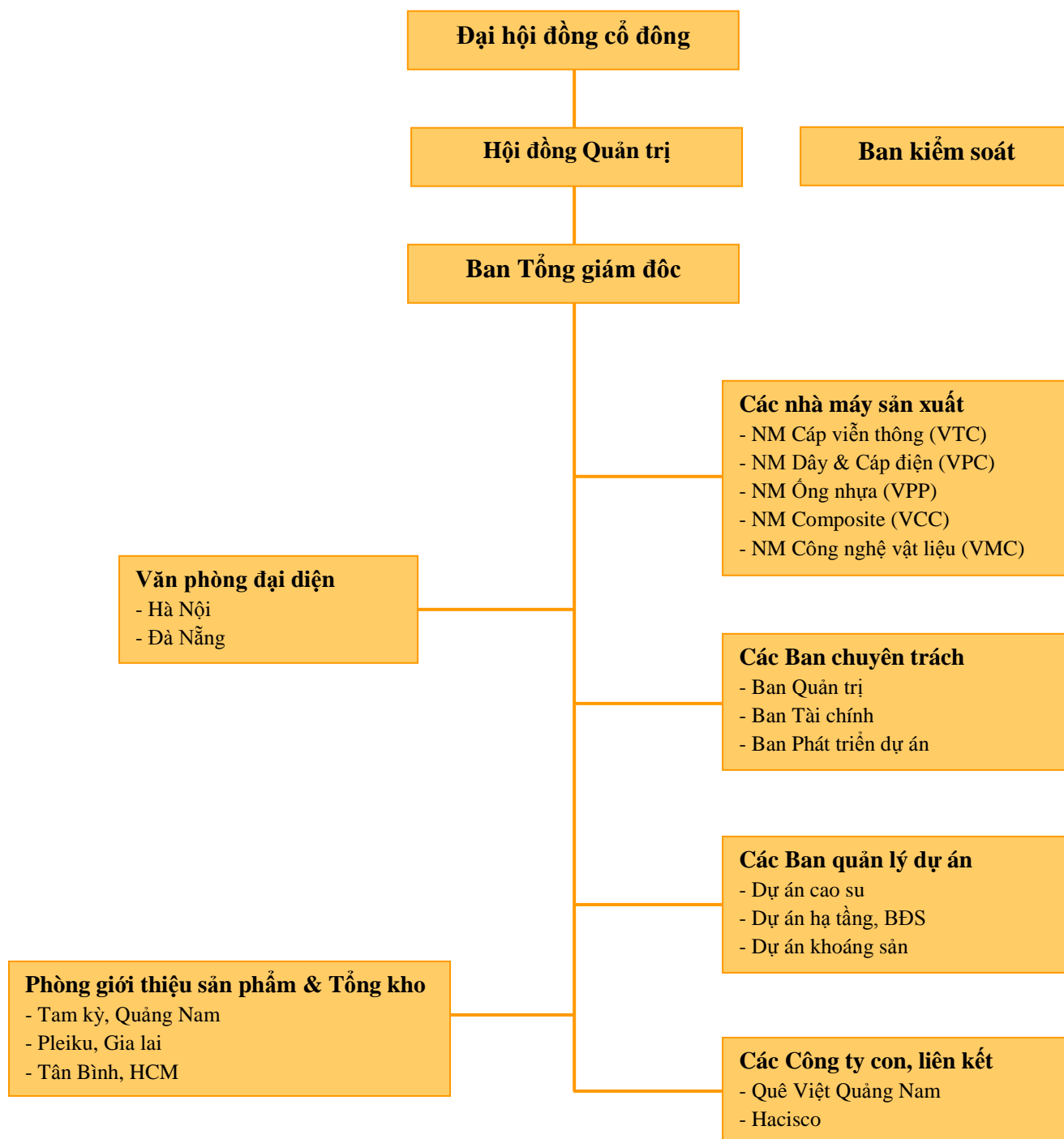
Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh – TP. Đà Nẵng

Điện thoại : 84-511-3655886

Fax :84-511-3655887

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY VIỆT HÀN

CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Ông Đinh Công Trọng
Sinh năm 1963, Chủ tịch
HDQT

Ông Trọng là một trong 3 thành viên sáng lập VHG vào năm 2003, ông Đinh Công Trọng là người đề ra những mục tiêu và dẫn dắt VHG phát triển trong những năm qua. Ông Trọng là kỹ sư viễn thông, là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh



Ông Huỳnh Tấn Chung
Sinh năm 1974, P.Chủ tịch
HDQT kiêm Tổng giám đốc

Là thành viên sáng lập, ông Chung đã cùng đồng nghiệp xây dựng hệ thống quản trị, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG. Ông Chung là cử nhân QTKD, kỹ sư công nghệ Điện tử-viễn thông, là người điều hành doanh nghiệp xây lắp, sản xuất trước khi sáng lập ra VHG

Ông Phạm Hữu Xuân
Thành viên HDQT

Ông Xuân là cử nhân kinh tế có hơn 40 kinh nghiệm quản lý, Nguyên là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Bru Điện Hà Nội



Ông Trần Đình Chinh
Sinh năm 1965, Thành viên HDQT

Ông Chinh có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong ngành viễn thông và có uy tín trong lĩnh vực phát triển công nghệ. Ông hiện đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty QTC chuyên ngành xây lắp viễn thông. Ông Chinh là kỹ sư điện tử viễn thông, từng tham gia các khóa đào tạo nâng cao quản trị điều hành hạ tầng viễn thông.



Ông Lê Kông Minh
Sinh năm 1977, Thành viên HDQT kiêm Phó
Giám đốc Ban PTDA

Ông Minh là chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, đã kinh qua vị trí Giám đốc đầu tư của VHG và hiện tại là Phó Giám đốc Ban Phát triển dự án. Ông Minh là cử nhân kinh tế ngoại thương và tham gia nhiều khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cao cấp



Bà Đinh Thị Thuý Hạnh
Sinh năm 1973, Trưởng Ban
Kiểm soát

Bà Hạnh tốt nghiệp đại học Kinh tế quốc dân, đã tham gia quản lý điều hành các công ty chuyên về thương mại và sản xuất, hiện tại đang phụ trách nhóm hoạt động thương mại của VHG



Ông Nguyễn Đông
Sinh 1973, P.Tổng giám đốc

Ông Đông là người kiến tạo năng lực tài chính, quản trị và phát triển nguồn lực cho VHG. Ông Đông tốt nghiệp ĐH Kinh tế Đà Nẵng



Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
Sinh năm 1981, Kế toán
trưởng

Bà Thảo tốt nghiệp Đại học Kinh tế Đà Nẵng chuyên ngành Tài chính, là người đã từng giữ vị trí kế toán trưởng trước đây của VHG



Ông Nguyễn Tiến Trung
Sinh năm 1974, Giám đốc Phát triển Dự án

Ông Trung là chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư, phát triển dự án phi sản xuất, có trên 10 năm kinh nghiệm. Ông Trung tốt nghiệp cử nhân công nghệ thông tin và khoa học ngoại ngữ.



Ông Lê Văn Toản
Sinh năm 1971, Giám đốc Ban Quản lý Dự
án Cao Su

Ông Toản là cử nhân kinh tế, tu nghiệp tại Nhật Bản. Đã có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý sản xuất và phát triển trồng rừng



Ông Quảng Bá Hải
Sinh năm 1973, Giám đốc
Quản trị

Ông Hải là chuyên gia quản trị tổ chức, cộng tác từ ngày đầu thành lập VHG với các vị trí Giám đốc kinh doanh, Giám đốc nhân sự. Ông Hải tốt nghiệp cử nhân kinh tế và cử nhân luật



Ông Ngô Hữu Phú
Sinh năm 1973, Giám đốc
Nhà máy cáp viễn thông
(VTC)

Ông Phú là chuyên gia quản lý sản xuất tại các nhà máy công nghiệp khu vực miền Trung, đã qua kinh nghiệm quản lý điều hành các nhà máy sản xuất. Ông Phú là kỹ sư điện động lực



Ông Phan Ngọc Đồng
Sinh năm 1975, Giám đốc
Nhà máy Composite (VPP)

Ông Đồng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Điện tử Viễn Thông, nhiều năm kinh nghiệm ở vị trí Giám đốc Kỹ Thuật của VHG.



Ông Ngô Thanh Tùng
Sinh năm 1977, Giám đốc Nhà máy công
nghệ vật liệu (VMC)

Ông Tùng là kỹ sư quản lý công nghiệp, có kinh nghiệm quản lý điều hành nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, trước đây là Giám đốc nhà máy tuyenel Tam Lộc



Ông Kỳ Hữu Bình
Sinh năm 1976, Giám đốc Nhà máy ống nhựa
(VCC)

Ông Bình là cử nhân kinh tế đã từng công tác tại SPT và điều hành doanh nghiệp có quy mô tại Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT VIỆT HÀN

Địa chỉ : Lô 04, 05 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc – Quảng Nam
Điện thoại : 84 510 3946 345 Fax : 84 510 3946 333
Email : trade@vhg.com.vn Website : www.vhg.com.vn

Dự án: DEVELYN TOWER



Vươn mình kiêu hãnh ngay giữa trung tâm Đà Nẵng, D'evelyn 33 tầng được thiết kế ấn tượng, hòa quyền cùng dòng sông Hàn thơ mộng sẽ là nơi hội tụ đầy đủ những tiêu chuẩn cho một cuộc sống tiện nghi... Hãy khám phá và tận hưởng cuộc sống bất tận cùng D'evelyn.

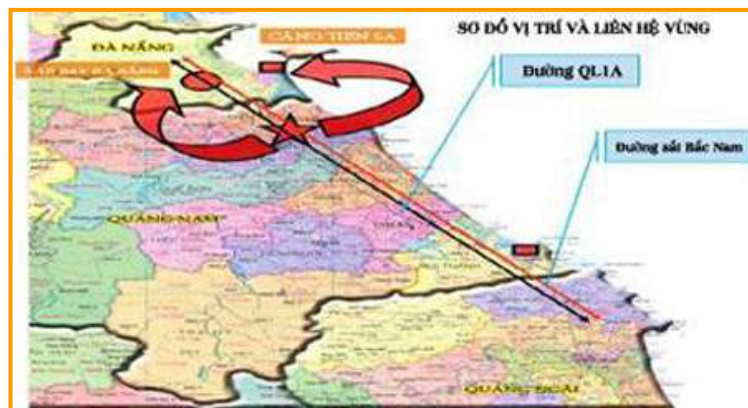



- Địa điểm : 09 Lê Duẩn - phường Hải Châu 1- quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng
- Quy mô : 33 tầng và 2 tầng hầm, 72.000 m² sàn
- Tư vấn thiết kế : Liên doanh AWP – ABBO (Singapore)

Dự án: KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP – DỊCH VỤ & ĐÔ THỊ AN LƯU



- Địa điểm : huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- Quy mô : 250ha, giai đoạn 1: 51ha, giai đoạn 2: 200ha



Dự án: CAO SU ĐÔNG GIANG



- Quy mô : Giai đoạn 1: 4.115 ha, giai đoạn 2: 4000ha
- Thời gian kiến thiết : 2009 – 2015.



NHÀ MÁY CÁP QUANG



- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 300.000 Km sợi/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY NHỰA

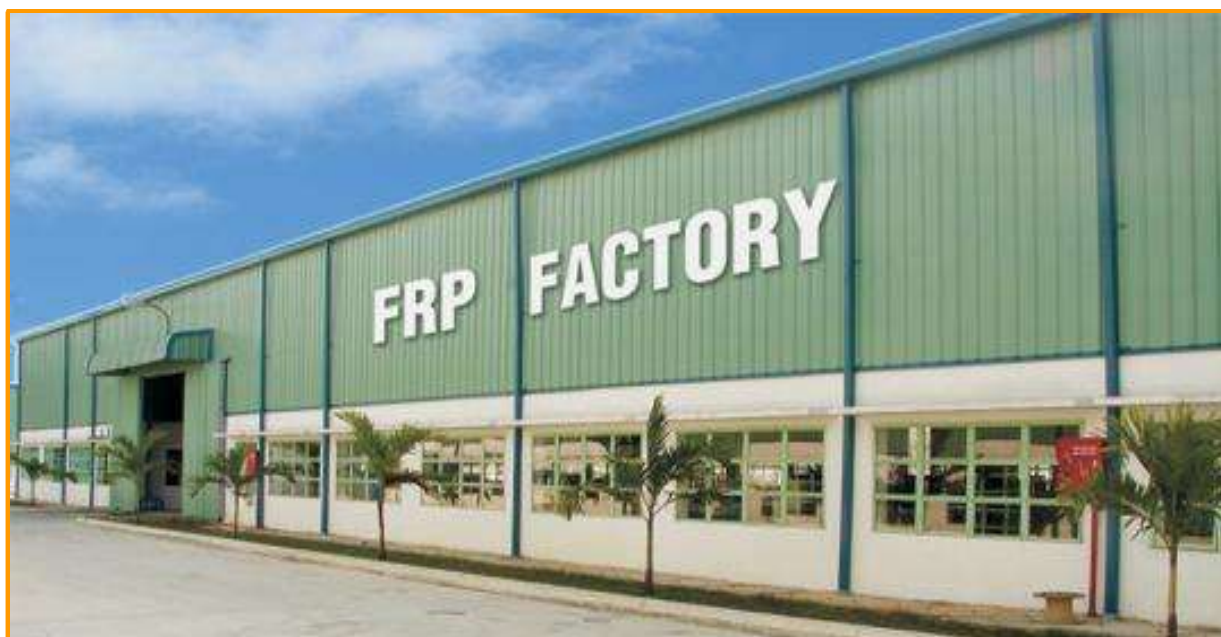


- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 16.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY COMPOSITE



- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 16.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY DÂY VÀ CÁP ĐIỆN



- Diện tích : 25.000m²
- Năng lực sản xuất : 10.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU



- Diện tích : 18 ha
- Năng lực sản xuất : 80 triệu sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



CÁC THÀNH TỰU



Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnamnet công bố theo thống kê của Việt Nam Report



Cờ thi đua của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam khen tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2007.



Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2007 do Bộ Khoa Học và Công Nghệ và Hội đồng quốc gia về Giải thưởng Chất lượng Việt Nam bình chọn.



Hệ thống ISO 9001:2000 do Tổng cục đo lường chất lượng và Trung tâm chứng nhận Quacert đánh giá và cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2006, 2007 top 100 thương hiệu Việt Nam do Ủy ban Quốc gia về hợp tác Kinh tế và Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.



Cup vàng Topten "Sản phẩm thương hiệu Việt uy tín - Chất lượng năm 2006, 2007" do Liên hiệp các Hội sở Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam và mạng Thương hiệu Việt bình chọn.



Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững năm 2007 do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.



Giải thưởng Quả cầu vàng 2006 do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.

HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG





Đhôn vinh cùng đất nước